

Số: 1520/QĐ-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Miễn 100% học phí năm học 2016-2017 cho học sinh
(Tốt nghiệp trung học cơ sở đi học Trung cấp chuyên nghiệp; Trung cấp nghề)
Bậc đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp (9+3) và Trung cấp nghề (9+4)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015. Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015–2016 đến năm học 2020–2021;

Căn cứ Công văn số 3841/HDL-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo – Sở Lao động Thương binh và Xã hội – Sở Tài chính Hướng dẫn liên sở về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2016–2017 đến năm 2020–2021;

Căn cứ Thông báo số 1469/TB-LTT-CTCT ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Hướng dẫn thủ tục miễn, giảm học phí từ năm học 2016–2017 đến năm học 2020–2021;

Xét đề nghị của Phó Trường phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn 100% học phí năm học 2015-2016 cho 1267 học sinh thuộc diện: Tốt nghiệp Trung học cơ sở đi học Trung cấp chuyên nghiệp (9+3); Trung cấp nghề (9+4) (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Những học sinh có tên trong danh sách được miễn 100% học phí năm học 2016–2017, nhưng vẫn phải đóng phụ thu theo qui định.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng, khoa, giáo viên chủ nhiệm và những học sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTCT-HSSV.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc



**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2016-2017**

Đối tượng: Tốt nghiệp Trung học cơ sở học tiếp lên trình độ Trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp (9+3) và Trung cấp nghề (9+4)

(Kèm theo Quyết định số: 1520/QĐ-LTT-CTCT ngày 25 tháng 11 năm 2016
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
1	15000936	Trần Tuấn Cường	29/01/2000	15TC-Đ	
2	15000386	Nguyễn Hùng Dũng	06/05/2000	15TC-Đ	
3	15002629	Lý Tấn Đạt	27/04/1994	15TC-Đ	
4	15003401	Hồ Minh Đức	25/02/2000	15TC-Đ	
5	15001615	Trần Phi Hải	02/09/2000	15TC-Đ	
6	15000313	Phạm Thanh Hiền	20/10/2000	15TC-Đ	
7	15002007	Nguyễn Trung Hiếu	23/12/2000	15TC-Đ	
8	15000640	Nguyễn Văn Hóa	5/9/1999	15TC-Đ	
9	15000273	Trương Quang Huy	11/06/2000	15TC-Đ	
10	15001817	Nguyễn Sĩ Nguyên	19/03/2000	15TC-Đ	
11	15000269	Nguyễn Minh Nhật	24/09/1998	15TC-Đ	
12	15001406	Nguyễn Trần Hoài Phong	07/11/1997	15TC-Đ	
13	15002326	Nguyễn Minh Quang	02/05/2000	15TC-Đ	
14	15001429	Phạm Phước Sáng	22/01/2000	15TC-Đ	
15	15000095	Nguyễn Thanh Sơn	07/08/2000	15TC-Đ	
16	15000861	Châu Quang Thần	19/02/1999	15TC-Đ	
17	15000105	Đinh Trần Quang Trung	08/02/2000	15TC-Đ	
18	15001664	Ngô Trần Khải Vinh	09/10/2000	15TC-Đ	
19	15000425	Nguyễn Văn Vinh	10/01/2000	15TC-Đ	
20	15000430	Đoàn Thanh Chí	10/04/1997	15TC-NL	
21	15000473	Trương Bùi Gia Giàu	28/04/1995	15TC-NL	
22	15003473	Nguyễn Huy Nhật Huy	28/11/2000	15TC-NL	
23	15000256	Phạm Ngọc Sang	13/05/1998	15TC-NL	
24	15000311	Bành Thanh Tân	24/03/1997	15TC-NL	
25	15000146	Nguyễn Phúc Tấn	04/05/2000	15TC-NL	
26	15003404	Thái Văn Toàn	04/04/1999	15TC-NL	
27	15002470	Nguyễn Tuấn Anh	20/11/1999	15TC-Ô	
28	15003022	Thắm Trung Anh	11/11/1998	15TC-Ô	
29	15000400	Hồng Bảo Ân	07/09/2000	15TC-Ô	
30	15001728	Nguyễn Lâm Ngọc Bảo	17/03/1999	15TC-Ô	
31	15000391	Phan Gia Bảo	16/10/1992	15TC-Ô	
32	15001942	Quách Ngọc Duy Bằng	02/06/1999	15TC-Ô	
33	15000044	Nguyễn Minh Cường	19/07/2000	15TC-Ô	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
34	15003108	Phạm Minh	Hòa	12/05/1999	15TC-Ô	
35	15000168	Lương Nhật	Hoan	28/11/2000	15TC-Ô	
36	15000171	Đỗ Khắc	Huy	08/11/2000	15TC-Ô	
37	15001918	Vũ Nguyễn Quốc	Huy	27/09/2000	15TC-Ô	
38	15000300	Mai Trần Hoàng	Long	18/12/1999	15TC-Ô	
39	15002541	Nguyễn Hoàng	Long	22/05/2000	15TC-Ô	
40	15000511	Nguyễn Bá Hoàng	Nam	06/05/1998	15TC-Ô	
41	15000368	Lâm Tín Trọng	Nhân	01/04/2000	15TC-Ô	
42	15001127	Lê Minh	Phú	28/07/1997	15TC-Ô	
43	15000242	Đặng Trần	Quyền	11/11/2000	15TC-Ô	
44	15001943	Huỳnh Trọng	Tính	28/11/1999	15TC-Ô	
45	15002017	Thái Văn	Thắng	04/04/1999	15TC-Ô	
46	15000196	Nguyễn Gia	Thuận	08/04/2000	15TC-Ô	
47	15000553	Nguyễn Minh	Thuận	18/8/1997	15TC-Ô	
48	15001145	Đặng Lê	Trường	04/10/1998	15TC-Ô	
49	15003118	Nguyễn Quang	Trường	17/07/1998	15TC-Ô	
50	15003137	Nguyễn Văn Nhật	Trường	07/12/1999	15TC-Ô	
51	15000322	Trần Lê Văn	Trường	15/03/2000	15TC-Ô	
52	15000753	Nguyễn Quốc	Cường	30/10/2000	15TC-QTM	
53	15001324	Nguyễn Xuân	Dũng	11/11/2000	15TC-QTM	
54	15000263	Võ Anh	Huy	13/07/2000	15TC-QTM	
55	15000472	Nguyễn Tân	Khoa	29/11/2000	15TC-QTM	
56	15000268	Trương Lê Anh	Khoa	12/05/2000	15TC-QTM	
57	15000605	Trần Tiến	Lợi	23/04/2000	15TC-QTM	
58	15003403	Đoàn Đình	Minh	20/10/1995	15TC-QTM	
59	15003387	Tô Ngọc Kim	Ngân	05/08/1996	15TC-QTM	
60	15003409	Lý Nam	Phát	17/03/2000	15TC-QTM	
61	15001775	Nguyễn Tiến Quốc	Tuấn	22/05/2000	15TC-QTM	
62	15003402	Nguyễn Phạm Thanh	Thảo	15/12/1999	15TC-QTM	
63	15000045	Nguyễn Thanh Đức	Trí	28/07/1999	15TC-QTM	
64	15002175	Nguyễn Lê Minh	Triết	26/10/2000	15TC-QTM	
65	15003502	Nguyễn Thành	Trung	15/07/2000	15TC-QTM	
66	15000293	Châu Đình Hải	Vân	16/08/2000	15TC-QTM	
67	15000169	Huỳnh Cẩm	Vân	18/11/2000	15TC-QTM	
68	16000497	Huỳnh Quốc	An	01/03/2000	16TC-Ô1	
69	16000011	Lê Đức	Anh	13/12/2001	16TC-Ô1	
70	16000346	Nguyễn Lâm	Anh	28/07/2001	16TC-Ô1	
71	16000689	Phạm Lê Quốc	Anh	22/12/1999	16TC-Ô1	
72	16000723	Nguyễn Thiên	Ân	26/09/2000	16TC-Ô1	
73	16000270	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	07/10/2001	16TC-Ô1	
74	16000553	Trần Anh	Dũng	05/06/2001	16TC-Ô1	
75	16000132	Phạm Hữu Minh	Đức	17/01/2000	16TC-Ô1	
76	16000532	Lê Công	Hậu	18/09/2001	16TC-Ô1	
77	16000085	Nguyễn Trung	Hậu	26/05/2001	16TC-Ô1	
78	16000487	Phạm Đức	Hiếu	08/08/2000	16TC-Ô1	
79	16000538	Hà Trọng	Hồ	04/10/2001	16TC-Ô1	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
80	16000695	Trần Ngọc Gia	Hưng	07/12/2000	16TC-Ô1	
81	16000200	Nguyễn Thanh Hoàng	Khải	19/06/2001	16TC-Ô1	
82	16000380	Phạm Minh	Khải	21/11/1999	16TC-Ô1	
83	16000395	Nguyễn Quốc	Khánh	03/09/2001	16TC-Ô1	
84	16000004	Nguyễn Thiện Bảo	Khánh	18/06/2001	16TC-Ô1	
85	16000276	Bùi Phan Đăng	Khoa	17/07/2001	16TC-Ô1	
86	16000754	Võ Đình	Lịch	01/01/2000	16TC-Ô1	
87	16000058	Phan Hoài	Linh	30/10/1997	16TC-Ô1	
88	16000531	Sỹ Minh	Long	13/11/2000	16TC-Ô1	
89	16000231	Nguyễn Thành	Luân	17/12/2001	16TC-Ô1	
90	16000237	Phan Tấn	Mẫn	29/07/2000	16TC-Ô1	
91	16000310	Nguyễn Ngọc	Minh	02/06/2001	16TC-Ô1	
92	16000252	Vũ	Minh	30/05/2001	16TC-Ô1	
93	16000813	Nguyễn Văn	Mỹ	27/05/2001	16TC-Ô1	
94	16000566	Đào Sơn	Nam	14/10/1999	16TC-Ô1	
95	16000413	Nguyễn Nhật	Nam	29/11/2001	16TC-Ô1	
96	16000383	Trần Hoàng Kim	Ngân	06/08/2001	16TC-Ô1	
97	16000915	Hoàng Anh	Nghĩa	17/08/2001	16TC-Ô1	
98	16000359	Nguyễn Minh	Nghĩa	20/12/2001	16TC-Ô1	
99	16000049	Ngô Trần Khôi	Nguyên	28/01/2001	16TC-Ô1	
100	16000290	Nguyễn Thành	Nhân	23/02/2001	16TC-Ô1	
101	16000404	Trần Lê Thành	Nhân	21/04/2000	16TC-Ô1	
102	16000202	Lê Duy	Phát	01/10/2001	16TC-Ô1	
103	16000577	Lê Đức	Phát	06/12/2001	16TC-Ô1	
104	16000673	Nguyễn Hoàng	Phúc	18/10/2000	16TC-Ô1	
105	16000169	Phan Nguyên	Phúc	03/12/2001	16TC-Ô1	
106	16000442	Nguyễn Hoàng Huy	Phước	12/09/2001	16TC-Ô1	
107	16000024	Dương Tấn Vũ	Phương	21/07/2000	16TC-Ô1	
108	16000511	Võ Trần Lê	Phương	08/12/2001	16TC-Ô1	
109	16000488	Võ Thái	Quốc	30/01/2001	16TC-Ô1	
110	16000022	Đào	Tài	25/01/1996	16TC-Ô1	
111	16000427	Nguyễn Thắng Minh	Tâm	13/09/2001	16TC-Ô1	
112	16001745	Lê Ngọc	Tuân	26/11/1994	16TC-Ô1	
113	16000830	Đoàn Quốc	Thế	27/03/1996	16TC-Ô1	
114	16000611	Nguyễn Phước	Thọ	21/01/2001	16TC-Ô1	
115	16000603	Lý Vũ Hoàng	Thông	08/09/2000	16TC-Ô1	
116	16000302	Nguyễn Minh	Thông	19/05/2001	16TC-Ô1	
117	16000625	Nguyễn Huỳnh	Trí	25/08/2000	16TC-Ô1	
118	16000314	Huỳnh Thanh	Trọng	26/12/1999	16TC-Ô1	
119	16000130	Hứa Văn	Vũ	18/02/2001	16TC-Ô1	
120	16000504	Phan Thanh	Xuân	12/02/2001	16TC-Ô1	
121	16003822	Lê Quốc	An	21/09/1998	16TC-Ô2	
122	16003427	Vũ Tuấn	Anh	15/07/2000	16TC-Ô2	
123	16003548	Lưu Nguyễn Anh	Bảo	08/06/2000	16TC-Ô2	
124	16002621	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	30/10/2000	16TC-Ô2	
125	16001675	Ngô Quốc	Cường	02/12/1996	16TC-Ô2	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
126	16003430	Phan Quốc Cường	12/11/1999	16TC-Ô2	
127	16003015	Nguyễn Ngọc Đông	14/11/1998	16TC-Ô2	
128	16003352	Đinh Công Hiếu	26/06/1986	16TC-Ô2	
129	16001868	Hoàng Quốc Hiếu	10/09/2001	16TC-Ô2	
130	16001800	Đặng Nguyễn Khánh Huy	22/02/2001	16TC-Ô2	
131	16000150	Đỗ Vũ Thế Huy	24/03/1999	16TC-Ô2	
132	16002965	Nguyễn Văn Quốc Huy	03/10/2001	16TC-Ô2	
133	16003447	Phạm Trần Minh Huy	08/11/2001	16TC-Ô2	
134	16001713	Tạ Hồng Bảo Quốc Huy	26/05/1995	16TC-Ô2	
135	16000612	Trần Lê Quyền Huy	14/07/2001	16TC-Ô2	
136	16002127	Phùng Hưng	11/02/2001	16TC-Ô2	
137	16001893	Đỗ Huỳnh Minh Hy	24/02/2000	16TC-Ô2	
138	16003802	Đinh Chí Kiệt	10/08/2001	16TC-Ô2	
139	16001705	Trần Minh Kiệt	19/09/2001	16TC-Ô2	
140	16002184	Dương Trung Khang	09/01/2001	16TC-Ô2	
141	16001992	Huỳnh Phan Thanh Khiết	04/11/1999	16TC-Ô2	
142	16002110	Nguyễn Lê Quỳnh Khôi	11/05/2001	16TC-Ô2	
143	16003750	Nguyễn Ngọc Kim Linh	03/12/2000	16TC-Ô2	
144	16002861	Lê Quang Lộc	06/12/1995	16TC-Ô2	
145	16001702	Nguyễn Đình Khởi Nguyên	04/07/1999	16TC-Ô2	
146	16003524	Huỳnh Thanh Nhân	22/11/1991	16TC-Ô2	
147	16003061	Đoàn Chung Phi	20/03/2001	16TC-Ô2	
148	16003248	Lê Nguyễn Minh Phong	29/01/2001	16TC-Ô2	
149	16001624	Nguyễn Hồng Phúc	26/05/2001	16TC-Ô2	
150	16003039	Huỳnh Thanh Phước	10/10/1999	16TC-Ô2	
151	16000147	Phạm Hoài Phương	15/07/1999	16TC-Ô2	
152	16001840	Trần Duy Quang	20/05/1998	16TC-Ô2	
153	16001738	Nguyễn Thanh Quý	26/07/2001	16TC-Ô2	
154	16002306	Nguyễn Văn Quý	24/12/1989	16TC-Ô2	
155	16002185	Trần Thanh Sang	21/05/2001	16TC-Ô2	
156	16001699	Ngô Phát Tài	03/08/2001	16TC-Ô2	
157	16003448	Trần Võ Văn Tài	29/10/2001	16TC-Ô2	
158	16003732	Chiêm Linh Tâm	28/12/1999	16TC-Ô2	
159	16003422	Mai Nguyễn Duy Tân	27/10/1997	16TC-Ô2	
160	16003733	Lê Nhật Tiến	30/06/1998	16TC-Ô2	
161	16002989	Lê Đức Toàn	17/07/2000	16TC-Ô2	
162	16001581	Lê Viết Bảo Toàn	23/11/1999	16TC-Ô2	
163	16003482	Nguyễn Văn Toàn	06/08/1999	16TC-Ô2	
164	16001630	Lê Anh Tuấn	03/05/2000	16TC-Ô2	
165	16002459	Nguyễn Hoàng Tuấn	23/11/2001	16TC-Ô2	
166	16001770	Đàm Gia Tường	13/01/2001	16TC-Ô2	
167	16001231	Nguyễn Thanh Thành	15/10/1990	16TC-Ô2	
168	16003059	Trương Công Thành	20/03/1998	16TC-Ô2	
169	16003777	Trần Phúc Thắng	09/12/2000	16TC-Ô2	
170	16000250	Trần Thành Thắng	02/07/2001	16TC-Ô2	
171	16003496	Nguyễn Hoàng Thuận	17/05/1999	16TC-Ô2	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
172	16000241	Hoàng Anh Trường	01/04/2001	16TC-Ô2	
173	16001425	Lê Hoàng Thiên Vũ	10/01/1999	16TC-Ô2	
174	16003206	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	30/01/1999	16TC-MTT	
175	16001798	Nguyễn Quỳnh Anh	15/07/2001	16TC-MTT	
176	16000534	Nguyễn Vũ Trâm Anh	12/08/2001	16TC-MTT	
177	16000663	Trần Ngọc Lan Anh	04/05/2001	16TC-MTT	
178	16000146	Nghiêm Xuân Duy Bảo	07/03/2000	16TC-MTT	
179	16000565	Hứa Thị Thùy Dung	14/12/2000	16TC-MTT	
180	16000379	Nguyễn Ngọc Minh Dung	29/11/2000	16TC-MTT	
181	16000157	Trương Mỹ Dung	20/09/1998	16TC-MTT	
182	16003798	Vũ Đức Duy	13/01/1997	16TC-MTT	
183	16002913	Phạm Thành Đạt	22/09/2000	16TC-MTT	
184	16000129	Lê Ngọc Hào	23/06/2000	16TC-MTT	
185	16000549	Lưu Thị Hoàng Hiền	20/06/2001	16TC-MTT	
186	16001548	Võ Quang Huy	03/07/2001	16TC-MTT	
187	16000115	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	14/10/2001	16TC-MTT	
188	16003097	Nguyễn Hoàng Kiều	05/03/2001	16TC-MTT	
189	16000436	Phan Hồ Mỹ Kim	20/05/2001	16TC-MTT	
190	16003440	Nguyễn Bảo Linh	17/02/1998	16TC-MTT	
191	16000060	Nguyễn Thị Linh	22/07/2001	16TC-MTT	
192	16000131	Khổng Tuyết Minh	05/03/2001	16TC-MTT	
193	16000417	Huỳnh Ngọc Bảo My	24/10/2001	16TC-MTT	
194	16000408	Nguyễn Kim Nga	23/08/2001	16TC-MTT	
195	16000120	Hứa Lê Kim Ngân	21/10/2001	16TC-MTT	
196	16000494	Huỳnh Mai Kim Ngọc	14/11/2001	16TC-MTT	
197	16000298	Trần Bảo Ngọc	20/09/2001	16TC-MTT	
198	16000325	Trần Hồng Ngọc	01/01/2001	16TC-MTT	
199	16000551	Nguyễn Thanh Nhân	18/07/2000	16TC-MTT	
200	16000121	Nguyễn Trọng Nhân	12/12/2001	16TC-MTT	
201	16000281	Lê Tâm Như	13/12/2001	16TC-MTT	
202	16001821	Nguyễn Trần Hoàng Oanh	04/05/1998	16TC-MTT	
203	16002940	Trần Vương Hồng Phúc	30/12/1996	16TC-MTT	
204	16000039	Nguyễn Thị Bích Phượng	13/06/2001	16TC-MTT	
205	16000223	Nguyễn Vũ Trúc Quân	17/02/2000	16TC-MTT	
206	16000804	Trần Nguyễn Như Quỳnh	21/05/2001	16TC-MTT	
207	16000159	Lê Thị Tâm	22/04/2001	16TC-MTT	
208	16000245	Đỗ Thị Thanh Tuyền	26/09/2001	16TC-MTT	
209	16000334	Hà Dương Hoài Thanh	21/01/2001	16TC-MTT	
210	16000112	Vũ Thị Thanh Thảo	11/09/2000	16TC-MTT	
211	16000184	Phan Thành Thật	21/07/1999	16TC-MTT	
212	16000655	Nguyễn Thị Minh Thuận	05/06/2001	16TC-MTT	
213	16000358	Nguyễn Ngọc Lam Thùy	16/12/2001	16TC-MTT	
214	16000624	Huỳnh Hữu Thuyết	08/09/2001	16TC-MTT	
215	16000279	Bùi Thị Minh Thư	20/01/2001	16TC-MTT	
216	16000519	Trần Huỳnh Minh Thư	03/05/2001	16TC-MTT	
217	16003845	Vương Minh Thư	02/08/2000	16TC-MTT	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
218	16000326	Nguyễn Quỳnh Nghinh Thy	12/02/2001	16TC-MTT	
219	16000232	Đặng Thanh Trà	08/12/2000	16TC-MTT	
220	16001307	Vũ Ngọc Trinh	13/02/2001	16TC-MTT	
221	16000438	Trần Thanh Trúc	29/09/2001	16TC-MTT	
222	16000282	Lê Khánh Uyên	09/11/2001	16TC-MTT	
223	16000515	Lê Thị Bé Vân	18/07/2001	16TC-MTT	
224	16000273	Nguyễn Phạm Thùy Vân	21/11/2001	16TC-MTT	
225	16000433	Lê Tường Vy	10/08/2001	16TC-MTT	
226	16002494	Nguyễn Thảo Vy	16/08/2001	16TC-MTT	
227	16000458	Nguyễn Thị Khánh Vy	01/05/2000	16TC-MTT	
228	16001811	Mai Chí Ba	14/11/1997	16TC-QTM	
229	16001489	Trần Gia Bảo	15/07/2001	16TC-QTM	
230	16003730	Trương Hữu Bảo	29/10/1998	16TC-QTM	
231	16000706	Hồ Công Chiến	11/02/2001	16TC-QTM	
232	16003465	Quan Xuân Du	13/01/2001	16TC-QTM	
233	16003890	Nguyễn Phương Duy	31/12/1999	16TC-QTM	
234	16000584	Phan Trần Minh Đan	16/04/2000	16TC-QTM	
235	16000529	Nguyễn Thành Nhân Đạt	22/12/2001	16TC-QTM	
236	16000123	Nguyễn Thành Quốc Đạt	03/12/2001	16TC-QTM	
237	16000073	Thái Đông	09/04/2001	16TC-QTM	
238	16000388	Đặng Minh Đức	19/12/2000	16TC-QTM	
239	16002865	Nguyễn Sơn Hà	03/10/2001	16TC-QTM	
240	16000102	Lý Đăng Hào	15/10/2001	16TC-QTM	
241	16003561	Võ Văn Hậu	04/01/2001	16TC-QTM	
242	16003230	Bùi Minh Hiếu	28/10/2000	16TC-QTM	
243	16000019	Huỳnh Hữu Hiếu	12/07/2001	16TC-QTM	
244	16000047	Khổng Lê Trọng Hiếu	20/04/2001	16TC-QTM	
245	16000381	Lý Cẩm Hoa	09/04/2001	16TC-QTM	
246	16000583	Nguyễn Huy Hoàng	17/01/2001	16TC-QTM	
247	16000361	Nguyễn Minh Hoàng	12/09/2001	16TC-QTM	
248	16003534	Nguyễn Quách Huy Hoàng	10/02/2000	16TC-QTM	
249	16003894	Nguyễn Văn Hùng	06/11/1997	16TC-QTM	
250	16000322	Lý Diệu Huy	07/09/2001	16TC-QTM	
251	16001509	Nguyễn Lê Quốc Huy	13/01/2000	16TC-QTM	
252	16000651	Nguyễn Văn Huy	04/09/2001	16TC-QTM	
253	16000434	Nguyễn Chấn Hưng	28/05/2001	16TC-QTM	
254	16003852	Lộc Vạn Kiện	25/10/2001	16TC-QTM	
255	16000244	Lê Hoàng Đăng Khoa	10/10/2001	16TC-QTM	
256	16003543	Vũ Ngọc Anh Khoa	26/06/2000	16TC-QTM	
257	16000284	Trần Gia Khương	24/02/2001	16TC-QTM	
258	16000142	Sang Sỹ Lạc	30/09/2001	16TC-QTM	
259	16000523	Tạ Quang Lâm	10/10/2001	16TC-QTM	
260	16000317	Khương Thiên Long	31/03/2000	16TC-QTM	
261	16000293	Lê Ánh Minh	20/10/2001	16TC-QTM	
262	16000009	Phạm Quang Minh	18/08/1997	16TC-QTM	
263	16002582	Võ Nhật Minh	11/08/2000	16TC-QTM	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
264	16003086	Thái Hoài Nam	25/06/1999	16TC-QTM	
265	16000412	Võ Trung Ngọc	10/01/2001	16TC-QTM	
266	16000005	Tất Phú Nguyễn	13/02/2001	16TC-QTM	
267	16003512	Đỗ Trọng Nhân	05/01/1998	16TC-QTM	
268	16003806	Lâm Tuyết Nhi	16/07/2000	16TC-QTM	
269	16000313	Phạm Duy Tấn Phát	16/10/2001	16TC-QTM	
270	16000199	Đỗ Đăng Thiên Phúc	29/10/2001	16TC-QTM	
271	16000356	Nguyễn Bùi Nguyên Phúc	06/06/2000	16TC-QTM	
272	16000476	Nguyễn Võ Hạnh Phúc	27/02/2001	16TC-QTM	
273	16000195	Lý Trần Phước	26/11/2001	16TC-QTM	
274	16000390	Nguyễn Trương Hoàng T Phương	22/02/2000	16TC-QTM	
275	16002275	Nguyễn Hoàng Sang	13/08/2001	16TC-QTM	
276	16000063	Đinh Hồng Sơn	22/09/2001	16TC-QTM	
277	16000500	Nguyễn Văn Sỹ	09/02/2001	16TC-QTM	
278	16000087	Lâm Quốc Tâm	29/09/2001	16TC-QTM	
279	16000444	Phạm Công Thành	20/07/2000	16TC-QTM	
280	16000136	Vũ Đức Thắng	03/11/2001	16TC-QTM	
281	16003337	Phan Công Thịnh	26/10/2000	16TC-QTM	
282	16000337	Trần Trọng Thoại	19/01/2001	16TC-QTM	
283	16003770	Dương Nguyễn Ngọc Trân	10/10/2000	16TC-QTM	
284	16001789	Trịnh Minh Trí	15/10/2000	16TC-QTM	
285	16000050	Đỗ Minh Triết	19/09/2001	16TC-QTM	
286	16000604	Nguyễn Phương Uyên	01/06/2001	16TC-QTM	
287	16000387	Cổ Nguyễn Quốc Việt	11/01/2001	16TC-QTM	
288	16000360	Ngô Quang Vũ	19/01/2001	16TC-QTM	
289	15000023	Đặng Nguyễn Phương An	06/04/2000	15TCN-Đ	
290	15000211	Nguyễn Thành An	31/08/2000	15TCN-Đ	
291	15000061	Vũ Quý Bảo	16/12/1999	15TCN-Đ	
292	15000167	Nguyễn Công Danh	13/2/2000	15TCN-Đ	
293	15000027	Bùi Hoàng Duy	28/02/2000	15TCN-Đ	
294	15000281	Tăng Thành Đạt	25/01/2000	15TCN-Đ	
295	15000111	Lê Trần Đức	21/09/2000	15TCN-Đ	
296	15000260	Nguyễn Khoa Nhật Huy	01/04/2000	15TCN-Đ	
297	15001309	Võ Quốc Huy	05/12/2000	15TCN-Đ	
298	15000403	Võ Hoàng Long	20/03/2000	15TCN-Đ	
299	15002614	Đào Công Minh	20/05/1999	15TCN-Đ	
300	15001750	Đỗ Phương Nam	30/10/1999	15TCN-Đ	
301	15000005	Trần Vĩ Hiếu Nghĩa	31/10/2000	15TCN-Đ	
302	15003179	Lê Thanh Phú	10/11/1999	15TCN-Đ	
303	15000059	Nguyễn Quốc Văn Sơn	17/03/2000	15TCN-Đ	
304	15000138	Nguyễn Hữu Toàn	30/10/2000	15TCN-Đ	
305	15000340	Nguyễn Thanh Toàn	08/02/2000	15TCN-Đ	
306	15002982	Nguyễn Anh Tuấn	16/10/1998	15TCN-Đ	
307	15001344	Trần Văn Thành	08/09/2000	15TCN-Đ	
308	15000237	Trương Đình Trọng	02/03/2000	15TCN-Đ	
309	15003357	Phạm Quang Vinh	22/06/2000	15TCN-Đ	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
310	15000149	Huỳnh Triệu Thái Bình	15/02/2000	15TCN-ĐT	
311	15000087	Nguyễn Dương Quốc Duy	07/07/2000	15TCN-ĐT	
312	15000212	Nguyễn Hoàng Duy	13/08/2000	15TCN-ĐT	
313	15000038	Nguyễn Phi Hiếu	20/02/1998	15TCN-ĐT	
314	15000108	Trương Minh Hiếu	20/12/2000	15TCN-ĐT	
315	15001424	Trần Trọng Hợp	01/04/2000	15TCN-ĐT	
316	15000032	Lê Đỗ Quang Huy	30/08/2000	15TCN-ĐT	
317	15000252	Trần Gia Huy	24/12/2000	15TCN-ĐT	
318	15000090	Nguyễn Hải Hưng	21/09/2000	15TCN-ĐT	
319	15000220	Lê Tuấn Kiệt	09/01/2000	15TCN-ĐT	
320	15003032	Nguyễn Bá Lập	02/01/1998	15TCN-ĐT	
321	15002538	Vũ Vòng Nhật Minh	22/10/2000	15TCN-ĐT	
322	15000858	Lê Cẩm Nghĩa	17/05/1994	15TCN-ĐT	
323	15002646	Lê Nguyễn Hoàng Nhân	21/01/2000	15TCN-ĐT	
324	15000141	Phạm Thanh Nhân	03/09/2000	15TCN-ĐT	
325	15000608	Đường Vinh Phúc	12/11/2000	15TCN-ĐT	
326	15000691	Hồ Tân Tài	25/11/2000	15TCN-ĐT	
327	15000205	Trần Ngọc Tân	17/03/2000	15TCN-ĐT	
328	15000938	Lê Anh Tuấn	16/12/2000	15TCN-ĐT	
329	15000305	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	27/08/2000	15TCN-ĐT	
330	15000190	Đặng Lê Hoàng Thái	11/04/2000	15TCN-ĐT	
331	15000345	Bùi Hữu Thành	12/05/1998	15TCN-ĐT	
332	15000221	Lê Minh Trí	09/01/2000	15TCN-ĐT	
333	15000081	Dương Hiền Vinh	21/09/2000	15TCN-ĐT	
334	15000798	Lê Vinh	17/05/2000	15TCN-ĐT	
335	15000234	Nguyễn Xuân Tuấn Anh	08/11/2000	15TCN-LĐL	
336	15000262	Lê Quốc Anh	06/08/2000	15TCN-LĐL	
337	15000067	Hà Gia Ân	09/11/2000	15TCN-LĐL	
338	15000382	Nguyễn Anh Bảo	04/12/2000	15TCN-LĐL	
339	15000022	Nguyễn Đức Duy	23/12/2000	15TCN-LĐL	
340	15003484	Phạm Hoàng Duy	03/10/2000	15TCN-LĐL	
341	15000033	Trần Quốc Đại	31/07/1999	15TCN-LĐL	
342	15000154	Liêu Hoàng Tấn Đạt	26/06/2000	15TCN-LĐL	
343	15000145	Bùi Hải Đức	22/07/2000	15TCN-LĐL	
344	15001820	Nguyễn Trọng Đức	05/01/2000	15TCN-LĐL	
345	15000636	Nguyễn Hoàng Huy	21/2/2000	15TCN-LĐL	
346	15000719	Phan Quốc Huy	18/10/2000	15TCN-LĐL	
347	15002425	Thân Hữu Kiệt	12/07/2000	15TCN-LĐL	
348	15002911	Nguyễn Nhật Khanh	11/09/2000	15TCN-LĐL	
349	15000165	Huỳnh Duy Lâm	21/02/2000	15TCN-LĐL	
350	15000271	Hoàng Minh Long	08/01/2000	15TCN-LĐL	
351	15000177	Phan Hữu Lộc	09/05/2000	15TCN-LĐL	
352	15002989	Nguyễn Đình Mạnh	22/05/2000	15TCN-LĐL	
353	15000010	Châu Gia Minh	20/09/2000	15TCN-LĐL	
354	15001536	Lê Trung Nhân	25/12/2000	15TCN-LĐL	
355	15001347	Nguyễn Hoàng Nhựt	19/09/1998	15TCN-LĐL	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
356	15001857	Nguyễn Quốc	Phi	18/02/2000	15TCN-LĐL	
357	15000215	Vũ Đỗ Hoàng	Phúc	28/09/2000	15TCN-LĐL	
358	15000008	Nguyễn Hoàng	Phước	29/08/2000	15TCN-LĐL	
359	15000821	Đinh Nhật	Quang	05/02/2000	15TCN-LĐL	
360	15000797	Lê	Quang	17/05/2000	15TCN-LĐL	
361	15001606	Trần Bách	Tùng	6/5/2000	15TCN-LĐL	
362	15000049	Luân Trí	Thiện	07/06/2000	15TCN-LĐL	
363	15000106	Hà Ngọc	Việt	12/12/2000	15TCN-LĐL	
364	15000153	Hồng Thanh	Việt	20/08/2000	15TCN-LĐL	
365	15001131	Nguyễn Tấn	Vinh	16/05/2000	15TCN-LĐL	
366	15000243	Lê Anh	Võ	09/11/2000	15TCN-LĐL	
367	15000452	Nguyễn Hoàng Hải	Anh	21/11/1999	15TCN-CKL	
368	15003407	Kiều Công	Danh	24/03/1998	15TCN-CKL	
369	15000671	Bùi Xuân	Đạt	03/07/2000	15TCN-CKL	
370	15001308	Mai Thành	Đạt	24/7/2000	15TCN-CKL	
371	15003494	Nguyễn Xuân	Hiếu	17/11/2000	15TCN-CKL	
372	15001610	Nguyễn Minh	Hoàng	11/09/1999	15TCN-CKL	
373	15003379	Vương Nhân	Kiên	05/01/1998	15TCN-CKL	
374	15000163	Huỳnh Văn	Khánh	14/09/2000	15TCN-CKL	
375	15000247	Trần Tuấn	Khanh	07/07/2000	15TCN-CKL	
376	15000380	Bùi Hoàng	Long	04/08/2000	15TCN-CKL	
377	15000379	Bùi Huy	Long	04/08/2000	15TCN-CKL	
378	15003478	Võ Duy	Luân	10/01/2000	15TCN-CKL	
379	15003432	Cao Nhật	Minh	06/05/1998	15TCN-CKL	
380	15000223	Đào Thanh	Phong	15/11/2000	15TCN-CKL	
381	15000832	Phạm Trương Thiên	Phước	07/12/2000	15TCN-CKL	
382	15000514	Trần Võ Đông	Phương	12/09/2000	15TCN-CKL	
383	15000058	Trương	Quý	27/04/2000	15TCN-CKL	
384	15000304	Trịnh Hồng	Sơn	19/03/2000	15TCN-CKL	
385	15000040	Võ Hồng	Sơn	02/04/2000	15TCN-CKL	
386	15001030	Phạm Tấn	Thành	19/08/1999	15TCN-CKL	
387	15000290	Nguyễn Anh	Thiện	24/08/2000	15TCN-CKL	
388	15000771	Lê Văn	Trang	06/06/2000	15TCN-CKL	
389	15000085	Võ Thành	Trí	23/06/2000	15TCN-CKL	
390	15000278	Bùi Duy	Đại	04/08/2000	15TCN-Ô1	
391	15000245	Trần Hải	Đăng	11/07/1998	15TCN-Ô1	
392	15000186	Hoàng Xuân	Đức	15/02/2000	15TCN-Ô1	
393	15000021	Nguyễn Trần Trung	Hiếu	10/9/1998	15TCN-Ô1	
394	15000303	Phạm Đức	Hiếu	18/12/2000	15TCN-Ô1	
395	15000043	Nguyễn Ngọc	Huân	16/05/2000	15TCN-Ô1	
396	15000030	Trương Đức	Huy	05/07/2000	15TCN-Ô1	
397	15000185	Lại Phạm Tuấn	Kiệt	18/04/2000	15TCN-Ô1	
398	15000122	Nguyễn Văn	Kha	09/04/2000	15TCN-Ô1	
399	15000133	Đỗ Nguyễn Duy	Khang	05/06/2000	15TCN-Ô1	
400	15000139	Nguyễn Phi	Khang	09/12/2000	15TCN-Ô1	
401	15000184	Bùi Anh	Khoa	18/12/2000	15TCN-Ô1	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
402	15000120	Lưu Quốc	Liên	22/08/2000	15TCN-Ô1	
403	15002194	Nguyễn Phi	Long	13/02/2000	15TCN-Ô1	
404	15000123	Trần Phi	Long	26/09/2000	15TCN-Ô1	
405	15000156	Nguyễn Quang	Nhật	11/11/1998	15TCN-Ô1	
406	15000173	Nguyễn Vũ Tấn	Phát	17/01/2000	15TCN-Ô1	
407	15000219	Nguyễn Vũ Nhật	Phi	28/09/2000	15TCN-Ô1	
408	15000014	Phạm Thiên	Phú	26/11/2000	15TCN-Ô1	
409	15000065	Phan Hồng	Phúc	05/03/2000	15TCN-Ô1	
410	15000142	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	05/07/2000	15TCN-Ô1	
411	15000042	Lâm Huỳnh Nhựt	Tâm	30/10/2000	15TCN-Ô1	
412	15000091	Phạm Lê Quang Nhật	Tân	01/12/2000	15TCN-Ô1	
413	15000035	Nguyễn Trung	Tín	08/07/2000	15TCN-Ô1	
414	15000147	Đào Duy Anh	Tuấn	04/03/2000	15TCN-Ô1	
415	15000201	Huỳnh Đức	Tuấn	09/12/2000	15TCN-Ô1	
416	15000238	Phạm Việt	Thái	14/09/2000	15TCN-Ô1	
417	15000162	Lâm Vĩnh	Thành	08/02/1999	15TCN-Ô1	
418	15000244	Nguyễn Phúc	Thịnh	12/03/2000	15TCN-Ô1	
419	15000068	Phan	Thịnh	28/01/2000	15TCN-Ô1	
420	15000301	Lê Nguyễn Bảo	Trung	10/09/1992	15TCN-Ô1	
421	15000034	Tạ Tiến	Trường	08/10/2000	15TCN-Ô1	
422	15000392	Võ Tuấn	Anh	25/03/2000	15TCN-Ô2	
423	15001678	Hoàng Thiên	Ân	13/01/2000	15TCN-Ô2	
424	15000493	Vương Anh	Bảo	28/07/1999	15TCN-Ô2	
425	15000437	Vũ Việt	Bình	19/12/2000	15TCN-Ô2	
426	15000405	Hồ Thanh	Công	07/04/1998	15TCN-Ô2	
427	15000529	Nguyễn Văn Trí	Cường	28/07/2000	15TCN-Ô2	
428	15002359	Nguyễn Quốc	Đạt	02/09/1999	15TCN-Ô2	
429	15002720	Lê Anh	Hào	09/05/1998	15TCN-Ô2	
430	15001498	Hoàng	Hiếu	08/04/1995	15TCN-Ô2	
431	15002329	Nguyễn Trần Quốc	Huy	07/11/2000	15TCN-Ô2	
432	15000353	Trần Dương Khánh	Huy	23/08/2000	15TCN-Ô2	
433	15000780	Trần Đình Tuấn	Huy	23/09/2000	15TCN-Ô2	
434	15000357	Nguyễn Đức	Huỳnh	09/06/2000	15TCN-Ô2	
435	15000670	Nguyễn Quang	Khải	25/08/1996	15TCN-Ô2	
436	15000381	Nguyễn Quốc Công	Khanh	18/11/2000	15TCN-Ô2	
437	15000775	Phạm Quốc	Khánh	05/01/1999	15TCN-Ô2	
438	15001011	Nguyễn Thành	Long	21/10/1999	15TCN-Ô2	
439	15000404	Hồ Văn	Minh	07/04/1998	15TCN-Ô2	
440	15000360	Lưu Nguyễn Nhật	Nam	15/05/2000	15TCN-Ô2	
441	15003512	Nguyễn Chí	Nhân	01/02/1997	15TCN-Ô2	
442	15001554	Nguyễn Trí	Quyên	30/09/2000	15TCN-Ô2	
443	15003500	Nguyễn Huỳnh Công	Quyên	10/02/2000	15TCN-Ô2	
444	15003513	Dương Thế	Son	04/03/2000	15TCN-Ô2	
445	15000409	Nguyễn Hồ Đức	Tân	24/05/1998	15TCN-Ô2	
446	15000815	Nguyễn Minh	Thái	18/01/1996	15TCN-Ô2	
447	15003206	Trần Đình	Thái	02/07/2000	15TCN-Ô2	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
448	15000449	Lương Tấn Thành	06/09/1998	15TCN-Ô2	
449	15001433	Hoàng Kim Thuận	08/02/2000	15TCN-Ô2	
450	15003471	Lê Bá Thuận	07/07/2000	15TCN-Ô2	
451	15000373	Phạm Nguyễn Lâm Trường	08/07/2000	15TCN-Ô2	
452	15000121	Phan Hữu Vinh	28/4/2000	15TCN-Ô2	
453	15002951	Lê Huyền Thuý	07/10/1999	15TCN-MTT	
454	15000294	Trương Hải Huỳnh	08/09/2000	15TCN-MTT	
455	15000852	Nguyễn Hải Hào	18/08/2000	15TCN-MTT	
456	15003378	Trần Thị Thanh Hằng	08/02/2000	15TCN-MTT	
457	15000063	Nguyễn Mai Hương	10/10/2000	15TCN-MTT	
458	15000257	Bùi Nguyễn Quốc Khánh	29/02/2000	15TCN-MTT	
459	15000031	Lê Khánh Linh	15/04/2000	15TCN-MTT	
460	15000150	Mai Thuý Linh	22/07/2000	15TCN-MTT	
461	15003380	Vương Tuệ Ngọc	18/12/1999	15TCN-MTT	
462	15000950	Nguyễn Thị Hương Nhã	04/01/2000	15TCN-MTT	
463	15003381	Nguyễn Dương Yến Nhi	13/09/2000	15TCN-MTT	
464	15002726	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	07/11/2000	15TCN-MTT	
465	15000725	Phạm Nguyễn Phương Nhi	27/08/2000	15TCN-MTT	
466	15000254	Lê Thị Thùy Nhung	12/04/2000	15TCN-MTT	
467	15002461	Chạc Thanh Phụng	05/08/2000	15TCN-MTT	
468	15003509	Tsản Hoa Phương	25/11/2000	15TCN-MTT	
469	15002395	Nguyễn Tuấn Sơn	31/08/2000	15TCN-MTT	
470	15000295	Trần Thị Thảo Sương	10/5/2000	15TCN-MTT	
471	15000202	Huỳnh Nguyễn Thủy Tiên	05/05/2000	15TCN-MTT	
472	15003413	Nguyễn Giao Cát Tường	30/01/2000	15TCN-MTT	
473	15002374	Phạm Thạch Thảo	10/05/2000	15TCN-MTT	
474	15000870	Nguyễn Ngọc Anh Thư	19/08/1993	15TCN-MTT	
475	15002258	Phạm Vũ Quế Trân	20/02/2000	15TCN-MTT	
476	15000181	Phạm Thiên Ân	19/11/2000	15TCN-QTM1	
477	15000241	Trần Hoàng Ân	2/2/2000	15TCN-QTM1	
478	15000102	Phùng Long Ân	09/11/2000	15TCN-QTM1	
479	15000029	Nguyễn Thành Công	22/11/2000	15TCN-QTM1	
480	15000125	Bùi Hoàng Duy	24/11/1999	15TCN-QTM1	
481	15000166	Nguyễn Đăng Đạt	24/08/2000	15TCN-QTM1	
482	15000143	Nguyễn Hồ Trọng Hiếu	19/01/2000	15TCN-QTM1	
483	15002057	Nguyễn Tiến Hùng	06/10/2000	15TCN-QTM1	
484	15000194	Du Han Huy	19/12/2000	15TCN-QTM1	
485	15000073	Nguyễn Hoàng Nhật Huy	10/09/2000	15TCN-QTM1	
486	15000115	Nguyễn Ngọc Song Hương	17/09/2000	15TCN-QTM1	
487	15000159	Phạm Đăng Khoa	14/11/2000	15TCN-QTM1	
488	15000075	Lê Đình Khôi	11/06/2000	15TCN-QTM1	
489	15000104	Hồ Nguyễn Minh Long	31/10/2000	15TCN-QTM1	
490	15000160	Nguyễn Thái Hoàng Long	15/09/2000	15TCN-QTM1	
491	15000072	Trần Quang Long	13/12/2000	15TCN-QTM1	
492	15000086	Trần Gia Ngọc	23/02/1999	15TCN-QTM1	
493	15000097	Phạm Nguyễn Yến Nhi	29/08/2000	15TCN-QTM1	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
494	15000253	Phạm Nhật	Phong	04/07/2000	15TCN-QTM1	
495	15000064	Nguyễn Thiên	Phúc	07/09/1999	15TCN-QTM1	
496	15000236	Lê Đăng	Quang	07/02/2000	15TCN-QTM1	
497	15000011	Phương Bình	Quân	12/3/2000	15TCN-QTM1	
498	15000222	Vũ Minh	Quyền	01/07/2000	15TCN-QTM1	
499	15000230	Lê Mạnh	Tài	09/04/2000	15TCN-QTM1	
500	15000164	Phạm Hoài	Tú	12/01/2000	15TCN-QTM1	
501	15000239	Đặng Nguyễn Minh	Thái	29/12/2000	15TCN-QTM1	
502	15000083	Võ Tuấn	Thành	11/10/2000	15TCN-QTM1	
503	15000037	Nguyễn Xuân	Thoái	17/11/1999	15TCN-QTM1	
504	15000207	Ngô Minh	Thông	28/12/2000	15TCN-QTM1	
505	15000891	Lê Nhã	Trúc	23/09/2000	15TCN-QTM1	
506	15000310	Lê Thanh	An	06/07/2000	15TCN-QTM2	
507	15000571	Mai Tuấn	Anh	06/02/2000	15TCN-QTM2	
508	15000333	Đàm Vinh	Cường	10/5/2000	15TCN-QTM2	
509	15002414	Huỳnh Quốc	Cường	13/11/2000	15TCN-QTM2	
510	15003399	Phạm Võ Quang	Duy	16/05/2000	15TCN-QTM2	
511	15000742	Trần Nguyễn Anh	Duy	19/10/2000	15TCN-QTM2	
512	15000512	Mai Đỗ	Đại	05/6/2000	15TCN-QTM2	
513	15001376	Nguyễn Thành	Đạt	14/05/2000	15TCN-QTM2	
514	15001912	Vũ Hải	Đăng	05/11/2000	15TCN-QTM2	
515	15001176	Lê Long Minh	Định	17/02/2000	15TCN-QTM2	
516	15000625	Trương Minh	Đức	16/05/2000	15TCN-QTM2	
517	15000446	Nguyễn Trường	Giang	22/01/2000	15TCN-QTM2	
518	15000574	Vũ Trung	Hậu	19/12/2000	15TCN-QTM2	
519	15000599	Nguyễn Minh	Hiếu	15/11/2000	15TCN-QTM2	
520	15000932	Lê Vũ Huy	Hoàng	07/08/2000	15TCN-QTM2	
521	15000407	Đỗ Đức	Huy	27/09/2000	15TCN-QTM2	
522	15000509	Nguyễn Quốc	Huy	18/02/2000	15TCN-QTM2	
523	15002515	Nguyễn Tăng	Huy	21/02/2000	15TCN-QTM2	
524	15000228	Nguyễn Hữu Bảo	Hưng	10/10/2000	15TCN-QTM2	
525	15001726	Nguyễn Văn Lê Đình	Khải	02/08/1998	15TCN-QTM2	
526	15001821	Nguyễn Hoàng	Khang	22/10/2000	15TCN-QTM2	
527	15003040	Lê Ngọc	Khanh	26/09/2000	15TCN-QTM2	
528	15000364	Ngô Duy	Khánh	09/06/2000	15TCN-QTM2	
529	15000323	Trần Văn	Khánh	19/02/2000	15TCN-QTM2	
530	15001626	Dương Nguyên	Khôi	12/02/2000	15TCN-QTM2	
531	15000358	Diệp Bảo	Long	06/12/2000	15TCN-QTM2	
532	15001022	Đỗ Trần	Long	07/05/2000	15TCN-QTM2	
533	15001781	Lê Thành	Long	23/10/2000	15TCN-QTM2	
534	15000689	Nguyễn Văn	Long	25/06/2000	15TCN-QTM2	
535	15003028	Trần Văn	Mạnh	14/07/2000	15TCN-QTM2	
536	15001356	Nguyễn Lê Kiều	Mi	28/06/2000	15TCN-QTM2	
537	15001590	Lê Triệu	Minh	24/08/2000	15TCN-QTM2	
538	15000837	Nguyễn Phi	Nga	13/12/1997	15TCN-QTM2	
539	15000388	Hà Minh	Nhật	23/12/2000	15TCN-QTM2	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
540	15000330	Nguyễn Huỳnh Thiên Phát	26/11/1999	15TCN-QTM2	
541	15000411	Nguyễn Minh Phúc	06/12/2000	15TCN-QTM2	
542	15000464	Nguyễn Kim Trúc	28/03/2000	15TCN-QTM2	
543	15000376	Trương Chí Tài	19/04/1997	15TCN-QTM2	
544	15001630	Trần Thuận Tân	16/05/2000	15TCN-QTM2	
545	15000924	Lê Anh Tuấn	04/02/1995	15TCN-QTM2	
546	15001313	Trần Thanh Tuấn	13/01/2000	15TCN-QTM2	
547	15000335	Phạm Ngọc Thu	17/05/2000	15TCN-QTM2	
548	15000350	Nguyễn Phan Xuân	17/11/1998	15TCN-QTM2	
549	15002015	Tổng Ngọc Thiện	24/09/2000	15TCN-QTM2	
550	15000336	Trần Trung Thuận	13/06/2000	15TCN-QTM2	
551	15000367	Lê Đỗ Huyền Trân	31/01/2000	15TCN-QTM2	
552	15000369	Lê Ngọc Trân	09/12/2000	15TCN-QTM2	
553	15002201	Thái Tường Trung	25/08/2000	15TCN-QTM2	
554	15003431	Trương Quốc Trung	15/10/1998	15TCN-QTM2	
555	15001875	Lê Nguyễn Nhật Trường	22/10/2000	15TCN-QTM2	
556	15003408	Mai Như Ý	29/03/2000	15TCN-QTM2	
557	15000308	Đào Thụy Duyên	07/11/2000	15TCN-KTD	
558	15000232	Đỗ Huỳnh Thiên Bảo	28/11/2000	15TCN-KTD	
559	15001187	Châu Mom Thy Đa	02/09/2000	15TCN-KTD	
560	15000494	Nguyễn Minh Đức	03/08/2000	15TCN-KTD	
561	15002285	Nguyễn Ngọc Hân	18/06/1997	15TCN-KTD	
562	15000316	Huỳnh Đức Hùng	19/12/2000	15TCN-KTD	
563	15001265	Võ Nguyễn Ngọc Huy	28/12/1998	15TCN-KTD	
564	15000309	Trần Nguyễn Trung Kiên	30/11/2000	15TCN-KTD	
565	15003488	Nguyễn Hoàng Kim	31/12/2000	15TCN-KTD	
566	15000096	Nguyễn Ngọc Khánh	22/5/2000	15TCN-KTD	
567	15003440	Trần Ngọc Diễm My	18/03/2000	15TCN-KTD	
568	15000172	Trần Nguyễn Minh Ngọc	12/03/2000	15TCN-KTD	
569	15000641	Nguyễn Đặng Hoài Nhật	31/5/2000	15TCN-KTD	
570	15000084	Trần Yến Nhi	02/11/2000	15TCN-KTD	
571	15002419	Nguyễn Thị Quỳnh Như	09/11/2000	15TCN-KTD	
572	15001201	Vũ Quỳnh Như	29/8/1999	15TCN-KTD	
573	15000158	Vũ Kim Phụng	29/09/2000	15TCN-KTD	
574	15000246	Nguyễn Xuân Phương	17/08/2000	15TCN-KTD	
575	15000130	Nguyễn Bùi Bích Phương	20/06/2000	15TCN-KTD	
576	15000197	Nguyễn Ngọc Quyên	13/11/1999	15TCN-KTD	
577	15000203	Nguyễn Thị Thu Sương	31/08/2000	15TCN-KTD	
578	15003367	Phan Vĩnh Toàn	31/07/1998	15TCN-KTD	
579	15000174	Vương Minh Tuấn	09/09/1999	15TCN-KTD	
580	15003115	Nguyễn Thị Thảo	16/12/1998	15TCN-KTD	
581	15000551	Nguyễn Cao Thắng	10/1/2000	15TCN-KTD	
582	15003424	Huỳnh Phương Anh Thư	13/05/2000	15TCN-KTD	
583	15003430	Mạch Ngọc Minh Trâm	21/10/1995	15TCN-KTD	
584	15000385	Đỗ Duy Phương Uyên	02/02/2000	15TCN-KTD	
585	15000119	Nguyễn Trần Khánh Uyên	30/7/1999	15TCN-KTD	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
586	15000318	Lê Thị Hồng Vi	14/06/2000	15TCN-KTD	
587	15001785	Giang Thanh Ngọc Vy	27/12/2000	15TCN-KTD	
588	15000195	Trần Lê Thúy Vy	28/02/1999	15TCN-KTD	
589	15002137	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	03/02/2000	15TCN-KTD	
590	16000289	Lương Tuấn Anh	27/03/2001	16TCN-Đ	
591	16000455	Phạm Tuấn Anh	23/01/2001	16TCN-Đ	
592	16000423	Huỳnh Quốc Ân	21/08/2001	16TCN-Đ	
593	16000596	Lê An Bình	15/10/2001	16TCN-Đ	
594	16003875	Lương Công Cấn	01/10/2001	16TCN-Đ	
595	16000372	Nguyễn Quốc Cường	17/10/2000	16TCN-Đ	
596	16000468	Trương Minh Chiến	01/08/2001	16TCN-Đ	
597	16003887	Hoàng Phước Ngọc Duy	22/10/2000	16TCN-Đ	
598	16003133	Lê Nhật Duy	09/10/2001	16TCN-Đ	
599	16000555	Huỳnh Trí Đại	23/09/2001	16TCN-Đ	
600	16001580	Huỳnh Phát Đạt	18/02/1996	16TCN-Đ	
601	16002123	Lê Tín Đạt	11/08/2000	16TCN-Đ	
602	16000098	Võ Minh Đạt	26/03/2001	16TCN-Đ	
603	16000470	Nguyễn Trung Đoàn	31/01/2000	16TCN-Đ	
604	16000454	Nguyễn Mạnh Đức	22/10/2001	16TCN-Đ	
605	16000321	Nguyễn Võ Minh Đức	17/03/2001	16TCN-Đ	
606	16000278	Lê Thanh Giang	02/02/2001	16TCN-Đ	
607	16003446	Lê Phương Hải	04/01/2000	16TCN-Đ	
608	16003499	Nguyễn Hoàng Hải	17/06/1999	16TCN-Đ	
609	16003124	Nguyễn Long Hải	11/02/2001	16TCN-Đ	
610	16000501	Nguyễn Mạnh Hải	23/09/2000	16TCN-Đ	
611	16000031	Diệp Anh Hào	16/10/2001	16TCN-Đ	
612	16000327	Lê Đình Hiếu	30/05/2001	16TCN-Đ	
613	16002893	Nguyễn Văn Hoài	15/03/1998	16TCN-Đ	
614	16000251	Nguyễn Quang Mạnh Hoàng	08/12/2001	16TCN-Đ	
615	16000108	Nguyễn Quốc Huy	01/01/2001	16TCN-Đ	
616	16003703	Phạm Đức Huy	25/12/2000	16TCN-Đ	
617	16000991	Thiều Lê Huy	01/03/2000	16TCN-Đ	
618	16001274	Nguyễn Tiến Kiên	01/05/2000	16TCN-Đ	
619	16000023	Lại Tuấn Kiệt	11/08/2001	16TCN-Đ	
620	16002944	Võ Văn Kiệt	01/11/1999	16TCN-Đ	
621	16000701	Nguyễn Trần Bảo Kha	26/10/2000	16TCN-Đ	
622	16003885	Đỗ Văn Khang	05/01/2001	16TCN-Đ	
623	16001341	Nguyễn Viết Anh Khoa	07/04/1999	16TCN-Đ	
624	16003786	Vũ Đăng Khoa	26/08/1999	16TCN-Đ	
625	16000260	Nguyễn Hà Lâm	19/05/2001	16TCN-Đ	
626	16000256	Nguyễn Văn Tài Linh	24/07/2000	16TCN-Đ	
627	16000535	Nguyễn Hoàng Huy Long	03/04/2000	16TCN-Đ	
628	16000207	Trần Thanh Long	27/10/2001	16TCN-Đ	
629	16000510	Trần Thế Luyến	16/10/2001	16TCN-Đ	
630	16002704	Nguyễn Ngọc Phương Nam	02/08/2001	16TCN-Đ	
631	16000582	Trương Bình Long Nhân	12/11/2000	16TCN-Đ	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
632	16000002	Thân Tấn	Phát	29/12/2001	16TCN-Đ	
633	16000424	Lê Ngọc Hùng	Phong	13/12/2000	16TCN-Đ	
634	16000614	Lữ Hoài	Phong	04/09/2000	16TCN-Đ	
635	16000255	Đinh Hoàng	Phúc	30/07/2001	16TCN-Đ	
636	16000595	Nguyễn Hoàng	Phúc	10/05/2001	16TCN-Đ	
637	16000422	Nguyễn Hoàng	Phúc	12/09/2000	16TCN-Đ	
638	16000100	Phạm Hữu	Phụng	31/01/2001	16TCN-Đ	
639	16000482	Nguyễn Hoàng Thiên	Phước	21/01/2001	16TCN-Đ	
640	16003153	Nguyễn Minh	Quân	14/11/2001	16TCN-Đ	
641	16000166	Đoàn Thanh	Sơn	14/08/2001	16TCN-Đ	
642	16000330	Vũ Doãn	Sỹ	30/12/2001	16TCN-Đ	
643	16000643	Lâm Phát	Tài	19/05/2000	16TCN-Đ	
644	16000656	Hồ Lê Kim	Tân	23/05/2001	16TCN-Đ	
645	16000366	Nguyễn Minh	Tiến	28/01/2001	16TCN-Đ	
646	16000414	Vũ Quang	Tiến	30/05/2001	16TCN-Đ	
647	16000219	Nguyễn Văn	Toàn	30/06/2001	16TCN-Đ	
648	16000088	Trương Trần Nhân	Tông	12/11/1999	16TCN-Đ	
649	16000265	Nguyễn Anh	Tú	30/09/2001	16TCN-Đ	
650	16000629	Nguyễn Thanh	Tú	29/09/1999	16TCN-Đ	
651	16000247	Nguyễn Văn	Tuân	23/03/2001	16TCN-Đ	
652	16003607	Đổng Minh	Tuân	26/02/1992	16TCN-Đ	
653	16001797	Phạm Thanh	Tuân	28/08/2001	16TCN-Đ	
654	16000445	Văn Đàm Anh	Tuân	04/04/2001	16TCN-Đ	
655	16002901	Dương Thanh	Tùng	07/05/2001	16TCN-Đ	
656	16003132	Nguyễn Nhật	Thanh	04/09/1999	16TCN-Đ	
657	16000347	Nguyễn Duy	Thông	21/03/2000	16TCN-Đ	
658	16000473	Nguyễn Minh	Thuận	29/11/2001	16TCN-Đ	
659	16001213	Tô Đình	Trí	29/12/1996	16TCN-Đ	
660	16000084	Bùi Trần Minh	Trị	15/01/2001	16TCN-Đ	
661	16000238	Võ Đức	Trọng	16/07/2001	16TCN-Đ	
662	16000691	Nguyễn Hải	Vân	23/03/1999	16TCN-Đ	
663	16002209	Lê Nguyễn Đông	Vũ	08/11/1997	16TCN-Đ	
664	16000048	Bùi Hoàng An	Vỹ	27/10/2001	16TCN-Đ	
665	16000348	Mai Hoàng	Anh	02/12/2001	16TCN-ĐT	
666	16000080	Bùi Quang	Cường	07/09/2001	16TCN-ĐT	
667	16000167	Nguyễn Công	Danh	05/10/2000	16TCN-ĐT	
668	16002087	Hoàng Việt	Dũng	26/04/1998	16TCN-ĐT	
669	16000133	Bùi Công	Duy	12/04/2001	16TCN-ĐT	
670	16000271	Huỳnh Nguyễn Minh	Duy	14/07/2001	16TCN-ĐT	
671	16003745	Nguyễn Quang	Dương	19/09/2000	16TCN-ĐT	
672	16000065	Lê Thành	Đạt	18/10/1999	16TCN-ĐT	
673	16000135	Võ Thành	Đạt	23/10/2001	16TCN-ĐT	
674	16001118	Trần Minh	Hải	27/10/2001	16TCN-ĐT	
675	16001070	Trần Ngọc	Hiển	21/11/2001	16TCN-ĐT	
676	16000007	Mai Minh	Hiếu	15/10/2001	16TCN-ĐT	
677	16000006	Nguyễn Hữu	Hiếu	06/11/2001	16TCN-ĐT	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
678	16000440	Nguyễn Minh Hiếu	12/01/2001	16TCN-ĐT	
679	16000093	Trương Phú Minh Hiếu	10/12/2001	16TCN-ĐT	
680	16000221	Đình Quốc Hoàng	18/10/2000	16TCN-ĐT	
681	16000213	Nguyễn Hòa Hợp	02/05/1998	16TCN-ĐT	
682	16000580	Lê Hoàn Huy	31/10/1999	16TCN-ĐT	
683	16000015	Trần Thế Huy	30/09/2001	16TCN-ĐT	
684	16001141	Vũ Lâm Nhật Huy	01/08/1999	16TCN-ĐT	
685	16000561	Huỳnh Văn Tuấn Kiệt	01/04/2001	16TCN-ĐT	
686	16000345	Hoàng Anh Kỳ	10/12/2001	16TCN-ĐT	
687	16000204	Vũ Tuấn Hoàng Kỳ	27/04/1999	16TCN-ĐT	
688	16000134	Phan Khánh Khải	09/05/2001	16TCN-ĐT	
689	16000618	Trần Vĩ Khang	20/03/2001	16TCN-ĐT	
690	16000370	Cao Ngọc Long	31/03/2001	16TCN-ĐT	
691	16000040	Nguyễn Ngọc Long	13/10/1995	16TCN-ĐT	
692	16000373	Nguyễn Phi Long	17/03/2000	16TCN-ĐT	
693	16003436	Phạm Hữu Lợi	21/10/1998	16TCN-ĐT	
694	16000075	Hoàng Công Luận	28/07/2000	16TCN-ĐT	
695	16000545	Đặng Trần Trọng Nghĩa	08/04/2001	16TCN-ĐT	
696	16000384	Mai Nghĩa	09/08/2001	16TCN-ĐT	
697	16000338	Nguyễn Phạm Trung Nghĩa	07/12/2000	16TCN-ĐT	
698	16000537	Nguyễn Hoàng Nguyên	13/12/2001	16TCN-ĐT	
699	16000030	Nguyễn Minh Nhã	01/02/2000	16TCN-ĐT	
700	16000339	Nguyễn Thành Nhân	26/06/2001	16TCN-ĐT	
701	16003810	Lê Nguyễn Quang Nhật	11/03/2000	16TCN-ĐT	
702	16003821	Nguyễn Văn Phi	10/10/2000	16TCN-ĐT	
703	16000653	Hồ Minh Phong	28/07/2000	16TCN-ĐT	
704	16000099	Huỳnh Quốc Phú	31/03/2001	16TCN-ĐT	
705	16000122	Thái Minh Quân	31/10/2000	16TCN-ĐT	
706	16000541	Nguyễn Thanh Sang	26/06/2001	16TCN-ĐT	
707	16000069	Nguyễn Dương Thế Sơn	23/02/2000	16TCN-ĐT	
708	16003858	Nguyễn Xuân Tài	23/08/2000	16TCN-ĐT	
709	16000554	Lê Minh Tâm	20/09/1999	16TCN-ĐT	
710	16000492	Hoàng Vũ Nhật Tân	08/02/2001	16TCN-ĐT	
711	16000185	Lê Đăng Công Toại	26/10/2001	16TCN-ĐT	
712	16002086	Phan Trần Thanh Tú	18/03/1997	16TCN-ĐT	
713	16000145	Bùi Quốc Tuấn	15/02/2000	16TCN-ĐT	
714	16000615	Huỳnh Anh Tuấn	25/05/2001	16TCN-ĐT	
715	16000210	Lê Anh Tuấn	13/01/1998	16TCN-ĐT	
716	16000148	Nguyễn Gia Thái	08/02/2001	16TCN-ĐT	
717	16000061	Võ Xuân Thái	26/12/2001	16TCN-ĐT	
718	16000013	Vũ Trương Thái	27/08/2001	16TCN-ĐT	
719	16000564	Vũ Minh Thanh	12/02/2001	16TCN-ĐT	
720	16000709	Nguyễn Minh Thành	05/10/2001	16TCN-ĐT	
721	16000453	Phan Minh Tiến Thành	18/10/2000	16TCN-ĐT	
722	16000430	Phạm Quốc Thắng	26/11/2001	16TCN-ĐT	
723	16000481	Huỳnh Vũ Đăng Thiên	24/06/2000	16TCN-ĐT	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
724	16000067	Lê Minh Thông	12/09/2001	16TCN-ĐT	
725	16000435	Đinh Minh Thuận	28/08/2001	16TCN-ĐT	
726	16000646	Hoàng Quang Việt	22/07/2001	16TCN-ĐT	
727	16000225	Phan Anh Vũ	25/10/2000	16TCN-ĐT	
728	16000687	Đặng Hoàng Tuấn Anh	14/06/2000	16TCN-LĐL1	
729	16000076	Nguyễn Hoàng Anh	24/09/2001	16TCN-LĐL1	
730	16000509	Nguyễn Hoàng Anh	15/02/2001	16TCN-LĐL1	
731	16000297	Vũ Hoàng Hải Anh	05/10/2001	16TCN-LĐL1	
732	16000312	Lê Gia Ân	21/10/2001	16TCN-LĐL1	
733	16000351	Vũ Thiên Ân	10/11/1998	16TCN-LĐL1	
734	16000304	Hồ Bá Bách	15/11/2001	16TCN-LĐL1	
735	16000234	Nguyễn Trọng Phú Cường	26/06/2001	16TCN-LĐL1	
736	16000573	Nguyễn Vũ Huy Cường	27/07/1999	16TCN-LĐL1	
737	16000546	Vũ Nguyễn Hoàng Dũng	04/12/2001	16TCN-LĐL1	
738	16000571	Diệp Minh Đạt	27/07/2001	16TCN-LĐL1	
739	16000242	Vũ Tiến Đức	07/03/2001	16TCN-LĐL1	
740	16000499	Trần Quốc Hậu	14/09/2001	16TCN-LĐL1	
741	16000066	Trần Trọng Hiếu	31/10/2001	16TCN-LĐL1	
742	16000140	Nguyễn Tiến Hùng	16/09/2001	16TCN-LĐL1	
743	16000406	Dương Nhật Huy	26/12/2001	16TCN-LĐL1	
744	16000143	Nguyễn Hoàng Gia Huy	19/01/2001	16TCN-LĐL1	
745	16000191	Lê Ngọc Hy	10/01/2000	16TCN-LĐL1	
746	16000599	Trần Minh Kiệt	13/09/2000	16TCN-LĐL1	
747	16000425	Đinh Duy Kha	26/07/2001	16TCN-LĐL1	
748	16003795	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	03/03/1999	16TCN-LĐL1	
749	16000518	Phạm Đăng Khoa	27/12/2001	16TCN-LĐL1	
750	16000294	Phạm Nhật Khoa	24/12/2000	16TCN-LĐL1	
751	16000020	Trần Đức Linh	10/06/2001	16TCN-LĐL1	
752	16000679	Hoàng Đình Long	07/07/2001	16TCN-LĐL1	
753	16000567	Phan Hoàng Bảo Long	21/09/2001	16TCN-LĐL1	
754	16000046	Nguyễn Tấn Lộc	27/04/2001	16TCN-LĐL1	
755	16000164	Nguyễn Quang Lợi	26/12/2001	16TCN-LĐL1	
756	16000389	Huỳnh Ngọc Mỹ	19/03/2001	16TCN-LĐL1	
757	16000193	Trần Quang Mỹ	02/12/2001	16TCN-LĐL1	
758	16000396	Nguyễn Hoàng Trọng Nghĩa	12/12/2001	16TCN-LĐL1	
759	16000474	Nguyễn Tấn Ngôn	14/11/2001	16TCN-LĐL1	
760	16000480	Lại Gia Phát	13/07/2001	16TCN-LĐL1	
761	16000277	Phạm Ngọc Mạnh Phát	12/01/2001	16TCN-LĐL1	
762	16000421	Nguyễn Hiếu Hồng Phi	14/10/2000	16TCN-LĐL1	
763	16000619	Vũ Đình Phú	19/07/2001	16TCN-LĐL1	
764	16000227	Nguyễn Hoàng Phúc	11/12/2001	16TCN-LĐL1	
765	16000105	Đào Xuân Quảng	24/08/2001	16TCN-LĐL1	
766	16000416	Mai Thanh Sang	17/06/2001	16TCN-LĐL1	
767	16000124	Nguyễn Hoàng Tâm	11/03/2001	16TCN-LĐL1	
768	16000038	Lê Minh Tân	01/01/2001	16TCN-LĐL1	
769	16000211	Nguyễn Lê Tấn	25/12/2000	16TCN-LĐL1	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
770	16000570	Diệp Minh Tiến	27/07/2001	16TCN-LĐL1	
771	16000274	Nguyễn Hoàng Tuấn	05/10/1999	16TCN-LĐL1	
772	16000236	Lê Trần Thanh Tùng	16/12/2001	16TCN-LĐL1	
773	16000012	Vũ Lê Bá Tùng	12/09/2000	16TCN-LĐL1	
774	16000045	Đặng Gia Thành	03/12/2001	16TCN-LĐL1	
775	16000644	Nguyễn Cao Đức Thiên	06/06/2000	16TCN-LĐL1	
776	16000074	Đinh Lưu Phúc Thiện	23/03/2000	16TCN-LĐL1	
777	16000171	Lê Kim Thìn	31/12/2000	16TCN-LĐL1	
778	16000025	Đoàn Đức Thịnh	03/09/2001	16TCN-LĐL1	
779	16000601	Phan Đăng Thịnh	18/01/2001	16TCN-LĐL1	
780	16001192	Nguyễn Lê Hùng Thuận	21/01/2001	16TCN-LĐL1	
781	16000261	Phạm Xuân Trường	02/05/2001	16TCN-LĐL1	
782	16000086	Võ Thành Văn	26/09/2001	16TCN-LĐL1	
783	16000364	Nguyễn Trương Thành Ván	27/01/2001	16TCN-LĐL1	
784	16000681	Hoàng Đình Vinh	07/07/2001	16TCN-LĐL1	
785	16000411	Trần Trọng Vinh	03/08/1999	16TCN-LĐL1	
786	16003485	Lê Hoàng Anh	24/05/2000	16TCN-LĐL2	
787	16000257	Lê Hoàng Hải Anh	13/12/1999	16TCN-LĐL2	
788	16000101	Hoàng Thiên Ân	20/06/2000	16TCN-LĐL2	
789	16000212	Võ Minh Chiến	22/07/2001	16TCN-LĐL2	
790	16001690	Nguyễn Thành Danh	07/07/2001	16TCN-LĐL2	
791	16000111	Lương Minh Đức	15/07/2001	16TCN-LĐL2	
792	16000128	Nguyễn Trung Hiếu	28/06/2001	16TCN-LĐL2	
793	16001634	Nguyễn Thắng Hiệu	04/03/2001	16TCN-LĐL2	
794	16000336	Trần Gia Huy	27/07/2001	16TCN-LĐL2	
795	16003034	Trương Đức Huy	25/08/2001	16TCN-LĐL2	
796	16000090	Hoàng Bảo Khang	20/05/2001	16TCN-LĐL2	
797	16000309	Nguyễn Đăng Khoa	06/11/2000	16TCN-LĐL2	
798	16003897	Huỳnh Trọng Khôi	15/05/2001	16TCN-LĐL2	
799	16002748	Nguyễn Tiến Lâm	05/01/2000	16TCN-LĐL2	
800	16003871	Nguyễn Hoàng Long	18/03/2000	16TCN-LĐL2	
801	16003486	Phạm Đỗ Hoàng Long	14/07/2000	16TCN-LĐL2	
802	16003520	Nguyễn Gia Quốc Mạnh	10/01/2000	16TCN-LĐL2	
803	16000156	Trần Minh Mẫn	07/02/1997	16TCN-LĐL2	
804	16003273	Cao Thanh Nghĩa	09/11/2000	16TCN-LĐL2	
805	16000028	Ngô Quang Trung Nghĩa	19/10/2001	16TCN-LĐL2	
806	16003146	Vũ Khôi Nguyên	07/01/1997	16TCN-LĐL2	
807	16000280	Lê Văn Nhã	29/08/2000	16TCN-LĐL2	
808	16003247	Phạm Phong	12/12/1996	16TCN-LĐL2	
809	16000106	Nguyễn Xuân Phú	22/03/2001	16TCN-LĐL2	
810	16003604	Nguyễn Hoàng Phúc	13/08/1997	16TCN-LĐL2	
811	16000608	Nguyễn Hoàng Phúc	27/01/2001	16TCN-LĐL2	
812	16000113	Trần Văn Quý	01/01/2001	16TCN-LĐL2	
813	16003457	Nguyễn Mạnh Quỳnh	05/04/2001	16TCN-LĐL2	
814	16003811	Trần Huỳnh Sáng	23/10/1997	16TCN-LĐL2	
815	16002666	Tăng Phước Tài	05/08/2001	16TCN-LĐL2	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
816	16000721	Lìn Phát Toàn	07/06/2000	16TCN-LĐL2	
817	16003583	Võ Văn Song Toàn	14/02/2001	16TCN-LĐL2	
818	16001937	Quăng Anh Tú	12/09/2000	16TCN-LĐL2	
819	16003895	Đình Mạnh Tuấn	17/03/2001	16TCN-LĐL2	
820	16002081	Bùi Thanh Tùng	25/09/1995	16TCN-LĐL2	
821	16003857	Nguyễn Quang Thanh Tùng	20/09/2000	16TCN-LĐL2	
822	16000016	Lê Minh Thái	21/04/2001	16TCN-LĐL2	
823	16001159	Lê Duy Thành	07/06/2001	16TCN-LĐL2	
824	16001500	Ngọc Long Thiên	12/10/2001	16TCN-LĐL2	
825	16000198	Dương Hải Triều	12/12/2001	16TCN-LĐL2	
826	16000017	Đỗ Minh Trung	19/08/2001	16TCN-LĐL2	
827	16000107	Đỗ Toàn Trung	28/12/1999	16TCN-LĐL2	
828	16000365	Nguyễn Quang Trung	24/11/2001	16TCN-LĐL2	
829	16002030	Lê Vũ Công Truyền	13/01/2000	16TCN-LĐL2	
830	16000103	Nguyễn Quốc Trường	12/06/2000	16TCN-LĐL2	
831	16001146	Lăng Quốc Vinh	09/12/2000	16TCN-LĐL2	
832	16000249	Nguyễn Trung Vĩnh	03/03/2001	16TCN-LĐL2	
833	16003381	Lê Tuấn Vũ	27/04/2001	16TCN-LĐL2	
834	16000630	Nguyễn Lê Phương Vũ	20/06/2000	16TCN-LĐL2	
835	16000097	Nguyễn Quốc Anh	17/07/2001	16TCN-CKL	
836	16000306	Nguyễn Đình Quốc Ân	10/12/2001	16TCN-CKL	
837	16000029	Nguyễn Trí Bảo	09/12/2001	16TCN-CKL	
838	16000091	Huỳnh Minh Chiến	21/12/2001	16TCN-CKL	
839	16000181	Lê Văn Chung	24/03/2001	16TCN-CKL	
840	16002113	Đoàn Công Danh	30/07/2000	16TCN-CKL	
841	16000437	Nguyễn Văn Dũng	25/07/2001	16TCN-CKL	
842	16000342	Trần Thanh Duy	21/06/2001	16TCN-CKL	
843	16000502	Vũ Tiến Đại	16/10/2001	16TCN-CKL	
844	16002687	Bùi Tiến Đạt	03/08/2000	16TCN-CKL	
845	16000141	Nguyễn Thành Đạt	20/02/1998	16TCN-CKL	
846	16003426	Nguyễn Chí Hải	01/06/1998	16TCN-CKL	
847	16000155	Nguyễn Minh Hiếu	31/10/1998	16TCN-CKL	
848	16001764	Phạm Trung Hiếu	22/08/2000	16TCN-CKL	
849	16000578	Phan Thế Hòa	21/10/2000	16TCN-CKL	
850	16000089	Trần Việt Hoàng	24/05/2001	16TCN-CKL	
851	16000119	Chu Đức Hùng	15/03/2001	16TCN-CKL	
852	16000229	Phan Lâm Huy	20/01/2001	16TCN-CKL	
853	16000490	Nguyễn Tuấn Hưng	24/12/2001	16TCN-CKL	
854	16000235	Lý Hoàng Anh Kiệt	11/01/2001	16TCN-CKL	
855	16002006	Trần Gia Khang	14/05/1998	16TCN-CKL	
856	16000591	Trần Đăng Khoa	02/08/1999	16TCN-CKL	
857	16000508	Võ Nguyễn Đăng Khoa	26/05/2001	16TCN-CKL	
858	16003140	Nguyễn Viết Nguyên Khôi	08/02/2000	16TCN-CKL	
859	16000377	Nguyễn Văn Lai	28/10/2001	16TCN-CKL	
860	16000353	Huỳnh Hà Lâm	20/07/2001	16TCN-CKL	
861	16000661	Kiều Phi Long	09/01/2001	16TCN-CKL	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
862	16000382	Lý Phát	Lộc	26/02/2001	16TCN-CKL
863	16002169	Nguyễn Xuân Tài	Lộc	12/12/1998	16TCN-CKL
864	16001406	Lê Xuân	Lương	30/08/2001	16TCN-CKL
865	16000471	Dương Vĩ	Nghiệp	14/12/2001	16TCN-CKL
866	16000378	Bùi Thiện	Nhân	14/05/2001	16TCN-CKL
867	16000684	Mai Vĩnh	Phát	29/08/2001	16TCN-CKL
868	16003326	Trần Bá	Phát	28/12/2000	16TCN-CKL
869	16003458	Trần Hoàng	Phát	19/05/1999	16TCN-CKL
870	16003510	Mã Hồng	Phúc	18/12/2001	16TCN-CKL
871	16003506	Trần Lê Minh	Phúc	12/06/1998	16TCN-CKL
872	16000432	Bùi Hữu	Phước	04/01/2000	16TCN-CKL
873	16000398	Châu Kim	Phước	06/09/1998	16TCN-CKL
874	16001433	Nguyễn Bình Định	Phương	25/10/1999	16TCN-CKL
875	16003147	Ngô Minh	Quang	22/10/2000	16TCN-CKL
876	16003562	Trần Minh	Quốc	01/12/2000	16TCN-CKL
877	16000078	Phạm Minh	Sĩ	16/12/2000	16TCN-CKL
878	16000513	Phan Lâm	Tân	04/09/2001	16TCN-CKL
879	16000439	Bành Phú	Tiến	28/12/2001	16TCN-CKL
880	16003092	Nguyễn Quang	Tiến	15/03/1998	16TCN-CKL
881	16002587	Nguyễn Tân	Tiến	04/01/2001	16TCN-CKL
882	16003208	Phan Hoàng Đại	Tiến	22/09/1999	16TCN-CKL
883	16000472	Vũ Hoàng	Tiến	05/01/2001	16TCN-CKL
884	16000246	Vũ Minh	Tiến	12/05/2001	16TCN-CKL
885	16003421	Nguyễn Duy	Tuấn	03/03/2000	16TCN-CKL
886	16000051	Trần Bá	Tước	13/07/2001	16TCN-CKL
887	16000286	Đặng Phương	Thanh	22/12/2001	16TCN-CKL
888	16001130	Nguyễn Chí	Thanh	02/07/2000	16TCN-CKL
889	16000558	Ngô Nhật	Thịnh	20/04/2000	16TCN-CKL
890	16000259	Nguyễn Văn	Trí	15/11/2001	16TCN-CKL
891	16000376	Nguyễn Văn	Trí	20/12/2001	16TCN-CKL
892	16000965	Nguyễn Đức	Trình	01/10/2000	16TCN-CKL
893	16000018	Lê Minh	Trung	12/08/2001	16TCN-CKL
894	16003643	Nguyễn Thanh	Trung	22/11/1998	16TCN-CKL
895	16000399	Nguyễn Hội Đại	Vĩ	29/01/2001	16TCN-CKL
896	16001852	Nguyễn Văn Quốc	Việt	03/06/2000	16TCN-CKL
897	16001712	Trần Hữu	An	04/12/2001	16TCN-Ô1
898	16000109	Lê Tuấn	Anh	01/10/2001	16TCN-Ô1
899	16000117	Phạm Quang	Anh	27/11/2001	16TCN-Ô1
900	16000118	Trần Tuấn	Anh	13/10/2001	16TCN-Ô1
901	16002283	Nguyễn Quốc	Dũng	28/09/1996	16TCN-Ô1
902	16000269	Nguyễn Xuân	Đạt	27/12/2001	16TCN-Ô1
903	16000175	Trần Nguyễn Việt	Đức	10/07/2001	16TCN-Ô1
904	16000096	Nguyễn Tường	Giang	08/01/2000	16TCN-Ô1
905	16001678	Nguyễn Trung	Hậu	20/07/2000	16TCN-Ô1
906	16000462	Đỗ Thanh	Hiền	14/10/2001	16TCN-Ô1
907	16000263	Nguyễn Phước	Hiệp	05/04/2000	16TCN-Ô1

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
908	16000367	Ngô Minh Hiếu	18/08/2001	16TCN-Ô1	
909	16000032	Nguyễn Huỳnh Trọng Hiếu	14/03/2001	16TCN-Ô1	
910	16000170	Lê Thanh Hòa	15/06/2000	16TCN-Ô1	
911	16000033	Lê Minh Hoàn	21/01/2001	16TCN-Ô1	
912	16000174	Phạm Minh Hoàng	12/04/2001	16TCN-Ô1	
913	16000226	Nguyễn Tấn Hùng	20/10/1999	16TCN-Ô1	
914	16000151	Huỳnh Quốc Huy	18/10/2001	16TCN-Ô1	
915	16002340	Nguyễn Duy Hưng	27/05/1998	16TCN-Ô1	
916	16000208	Phạm Tiến Trung Kiên	23/12/2001	16TCN-Ô1	
917	16003826	Nguyễn Cao Kiệt	16/07/1999	16TCN-Ô1	
918	16000152	Nguyễn Dĩ Khang	02/03/2001	16TCN-Ô1	
919	16000275	Trần Huỳnh Bá Khang	13/11/2001	16TCN-Ô1	
920	16000341	Trương Hoàng Khang	14/09/2000	16TCN-Ô1	
921	16000186	Trần Đăng Khoa	20/12/2001	16TCN-Ô1	
922	16000262	Hoàng Phúc Lâm	27/10/2001	16TCN-Ô1	
923	16000253	Nguyễn Đình Linh	06/07/2001	16TCN-Ô1	
924	16001585	Đoàn Phi Long	30/10/2001	16TCN-Ô1	
925	16000230	Nguyễn Thành Lộc	27/01/2001	16TCN-Ô1	
926	16002960	Lê Hoàng Nam	13/09/1999	16TCN-Ô1	
927	16000056	Nguyễn Hoàng Nhựt	10/02/2001	16TCN-Ô1	
928	16000343	Nguyễn Minh Nhật	20/01/2001	16TCN-Ô1	
929	16000125	Trịnh Đình Nhu	11/06/2001	16TCN-Ô1	
930	16000220	Nguyễn Minh Nhựt	09/09/2001	16TCN-Ô1	
931	16000301	Trương Văn Nhựt	10/12/2001	16TCN-Ô1	
932	16001628	Võ Tấn Phát	20/03/2001	16TCN-Ô1	
933	16001876	Trần Thiên Phú	09/08/1999	16TCN-Ô1	
934	16000190	Nguyễn Đăng Quang	22/11/2001	16TCN-Ô1	
935	16000095	Nguyễn Huỳnh Minh Quang	12/06/2001	16TCN-Ô1	
936	16003849	Lại Thế Quyền	18/07/1994	16TCN-Ô1	
937	16001062	Đỗ Quang Sang	30/07/2000	16TCN-Ô1	
938	16003830	Phan Hữu Sang	04/07/1998	16TCN-Ô1	
939	16003462	Lê Nguyễn Hải Sơn	26/11/1999	16TCN-Ô1	
940	16000188	Trần Minh Sơn	06/08/2001	16TCN-Ô1	
941	16000216	Lê Văn Sỹ	28/12/2000	16TCN-Ô1	
942	16000149	Châu Thành Tài	31/12/2001	16TCN-Ô1	
943	16000233	Phạm Tấn Tài	28/05/2001	16TCN-Ô1	
944	16000217	Lê Nguyễn Minh Tâm	30/06/2001	16TCN-Ô1	
945	16001815	Đinh Quý Thanh	07/05/2001	16TCN-Ô1	
946	16000222	Lê Bá Thanh	05/07/2001	16TCN-Ô1	
947	16000092	Huỳnh Lê Minh Thành	23/04/2001	16TCN-Ô1	
948	16001329	Trần Văn Thành	12/08/1999	16TCN-Ô1	
949	16000138	Phạm Xuân Thao	22/09/2001	16TCN-Ô1	
950	16000318	Phạm Văn Thảo	13/09/2001	16TCN-Ô1	
951	16000053	Mai Quốc Thắng	02/11/2001	16TCN-Ô1	
952	16000224	Phan Hữu Thắng	16/09/1998	16TCN-Ô1	
953	16000179	Vũ Quang Thắng	04/01/2001	16TCN-Ô1	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
954	16000110	Lưu Văn Thiện	11/12/2001	16TCN-Ô1	
955	16000616	Đỗ Tuấn Anh	27/09/2001	16TCN-Ô2	
956	16000544	Nguyễn Thiên Bảo	15/04/2001	16TCN-Ô2	
957	16000600	Phan Trường Bảo	01/10/2001	16TCN-Ô2	
958	16000563	Trịnh Anh Bình	30/04/2001	16TCN-Ô2	
959	16000742	Đỗ Công Doanh	08/02/2001	16TCN-Ô2	
960	16000821	Nguyễn Vĩnh Duẩn	25/10/2000	16TCN-Ô2	
961	16000606	Huỳnh Trần Trường Duy	25/11/2001	16TCN-Ô2	
962	16000605	Nguyễn Tấn Duy	10/11/2000	16TCN-Ô2	
963	16000498	Phạm Tấn Duy	23/06/2001	16TCN-Ô2	
964	16000014	Võ Văn Huỳnh Duy	21/07/2001	16TCN-Ô2	
965	16000628	Ngô Văn Đạt	23/10/1999	16TCN-Ô2	
966	16000668	Trần Phước Bảo Đăng	05/08/2000	16TCN-Ô2	
967	16000849	Nguyễn Tiến Đức	03/04/2001	16TCN-Ô2	
968	16000536	Phạm Trí Đức	06/09/2000	16TCN-Ô2	
969	16000935	Bùi Xuân Đường	02/01/2000	16TCN-Ô2	
970	16000477	Nguyễn Hoàng Hiệp	15/02/2001	16TCN-Ô2	
971	16000419	Huỳnh Văn Hòa	22/09/2001	16TCN-Ô2	
972	16000640	Nguyễn Phương Sĩ Hoàng	21/06/2001	16TCN-Ô2	
973	16000590	Lê Thành Huy	15/12/2000	16TCN-Ô2	
974	16000524	Lương Ngọc Bảo Huy	10/04/2000	16TCN-Ô2	
975	16000517	Nguyễn Minh Huy	25/02/2001	16TCN-Ô2	
976	16000552	Tổng Giang Huy	08/05/2001	16TCN-Ô2	
977	16000486	Thân Trọng Quốc Huy	13/12/2001	16TCN-Ô2	
978	16000652	Phan Vĩnh Hưng	16/06/2000	16TCN-Ô2	
979	16000557	Trịnh Gia Kiên	24/03/2001	16TCN-Ô2	
980	16000909	Nguyễn Nam Kỳ	26/07/2000	16TCN-Ô2	
981	16000239	Nguyễn Duy Kha	04/09/2001	16TCN-Ô2	
982	16000620	Phạm Duy Khang	02/01/2001	16TCN-Ô2	
983	16000162	Dương Hoàng Khoa	10/09/2001	16TCN-Ô2	
984	16000516	Nguyễn Tuấn Khôi	03/04/2000	16TCN-Ô2	
985	16000654	Võ Phú Lộc	27/02/1996	16TCN-Ô2	
986	16000410	Đỗ Viết Nam	23/02/2001	16TCN-Ô2	
987	16000467	Lại Trung Nguyên	20/04/2001	16TCN-Ô2	
988	16000627	Đặng Minh Nhân	22/12/1999	16TCN-Ô2	
989	16000449	Ngô Minh Nhật	28/08/2001	16TCN-Ô2	
990	16001381	Võ Phát	05/11/1999	16TCN-Ô2	
991	16003491	Hồ Văn Phi	27/01/2001	16TCN-Ô2	
992	16000550	Nguyễn Hồng Phúc	04/06/2001	16TCN-Ô2	
993	16000478	Trần Hữu Phúc	03/07/1999	16TCN-Ô2	
994	16000543	Phạm Minh Quang	10/12/2000	16TCN-Ô2	
995	16000514	Vũ Văn Quang	21/02/2000	16TCN-Ô2	
996	16000385	Đỗ Vô Thành Quân	21/12/2001	16TCN-Ô2	
997	16000503	Mai Nguyễn Quốc Quân	01/01/2001	16TCN-Ô2	
998	16000392	Nguyễn Hoàng Thanh Sang	31/12/2001	16TCN-Ô2	
999	16000542	Nguyễn Đồng Hoàng Sơn	15/12/2001	16TCN-Ô2	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
1000	16000461	Dương Phát Tài	11/04/2001	16TCN-Ô2	
1001	16000443	Hồ Vũ Tấn Tài	27/03/2001	16TCN-Ô2	
1002	16000505	Lại Công Tài	27/08/2001	16TCN-Ô2	
1003	16003157	Lương Thanh Tài	02/02/2001	16TCN-Ô2	
1004	16000562	Nguyễn Tấn Tài	20/05/2000	16TCN-Ô2	
1005	16000375	Nguyễn Tuấn Tú	14/02/2001	16TCN-Ô2	
1006	16001162	Đào Anh Tuấn	20/10/2001	16TCN-Ô2	
1007	16000451	Ngô Phi Anh Tuấn	27/03/2001	16TCN-Ô2	
1008	16000690	Phan Doãn Tuấn	07/04/2001	16TCN-Ô2	
1009	16000475	Lê Thành Thắng	01/05/2001	16TCN-Ô2	
1010	16001016	Bùi Đức Thuận	21/01/2000	16TCN-Ô2	
1011	16000394	Nguyễn Minh Trí	06/05/2001	16TCN-Ô2	
1012	16000657	Võ Chí Lâm Trường	13/04/1999	16TCN-Ô2	
1013	16002566	Phạm Quốc Đạt	04/10/2000	16TCN-Ô3	
1014	16000556	Trịnh Xuân Hùng	21/08/1997	16TCN-Ô3	
1015	16000258	Phan Vĩnh Hưng	22/09/2001	16TCN-Ô3	
1016	16001803	Nguyễn Kế Kha	19/06/2001	16TCN-Ô3	
1017	16003691	Trần Quang Linh	12/10/2001	16TCN-Ô3	
1018	16003614	Trần Huy Nam	02/09/2000	16TCN-Ô3	
1019	16000173	Lê Thanh Nghĩa	06/06/2000	16TCN-Ô3	
1020	16003867	Nguyễn Phú Nguyên	17/11/1998	16TCN-Ô3	
1021	16000429	Trần Quốc Sang	20/04/2000	16TCN-Ô3	
1022	16000214	Trần Tấn Tài	25/10/2001	16TCN-Ô3	
1023	16000323	Huỳnh Vũ Tiến	03/07/1997	16TCN-Ô3	
1024	16003791	Lê Thúc Minh Tuấn	03/04/2001	16TCN-Ô3	
1025	16000206	Nguyễn Thanh Tùng	26/08/2001	16TCN-Ô3	
1026	16000333	Nguyễn Thanh Tùng	21/08/2001	16TCN-Ô3	
1027	16000828	Phạm Anh Ty	27/09/2001	16TCN-Ô3	
1028	16000072	Đào Quốc Thái	09/01/2001	16TCN-Ô3	
1029	16003641	Võ Hoàng Thành	22/12/1998	16TCN-Ô3	
1030	16001128	Nguyễn Văn Ngọc Thiện	03/05/2001	16TCN-Ô3	
1031	16000163	Nguyễn Xuân Thiện	29/08/2001	16TCN-Ô3	
1032	16000176	Lê Nguyễn Trường Thịnh	14/06/2001	16TCN-Ô3	
1033	16000362	Trần Khang Thịnh	15/08/2001	16TCN-Ô3	
1034	16000079	Nguyễn Trần Vĩnh Thụy	07/03/2001	16TCN-Ô3	
1035	16000070	Kim Minh Trí	22/12/2001	16TCN-Ô3	
1036	16000332	Bùi Đức Trung	29/09/2001	16TCN-Ô3	
1037	16003865	Nguyễn Thanh Trung	22/01/2000	16TCN-Ô3	
1038	16003705	Trương Vị Trung	14/05/1999	16TCN-Ô3	
1039	16000001	Trần Nguyễn Quang Uy	19/05/2001	16TCN-Ô3	
1040	16000460	Nguyễn Anh Văn	11/01/2001	16TCN-Ô3	
1041	16000064	Nguyễn Quốc Vinh	20/05/2001	16TCN-Ô3	
1042	16000669	Nguyễn Thế Vinh	25/07/2001	16TCN-Ô3	
1043	16000428	Trần Quốc Vũ	20/04/2000	16TCN-Ô3	
1044	16001288	Nguyễn Đức Vương	22/03/1997	16TCN-Ô3	
1045	16000469	Nguyễn Phương Anh	22/07/2000	16TCN-QTM1	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
1046	16003621	Vũ Trần Quốc	Anh	24/03/2001	16TCN-QTM1	
1047	16000160	Trần Chí	Bảo	10/12/2001	16TCN-QTM1	
1048	16000457	Đặng Quốc	Cường	21/03/2001	16TCN-QTM1	
1049	16000026	Dương Gia	Chiêu	12/04/2001	16TCN-QTM1	
1050	16000285	Lê Hoàng Anh	Duy	19/12/2001	16TCN-QTM1	
1051	16000083	Vũ Hoàng	Duy	09/12/2000	16TCN-QTM1	
1052	16000635	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	20/08/2001	16TCN-QTM1	
1053	16000288	Lê Thành	Dương	14/07/2001	16TCN-QTM1	
1054	16000055	Nguyễn Thành	Đạt	11/07/2001	16TCN-QTM1	
1055	16000267	Nguyễn Ngọc	Điệp	01/11/2001	16TCN-QTM1	
1056	16000292	Nguyễn Trung	Hiếu	24/11/2001	16TCN-QTM1	
1057	16000081	Trần Tuấn	Hiếu	23/11/2001	16TCN-QTM1	
1058	16000037	Trương Mạnh	Hiếu	03/08/2001	16TCN-QTM1	
1059	16000626	Lục Đức	Hòa	01/01/2000	16TCN-QTM1	
1060	16002706	Lương Hiền	Hoài	19/09/2000	16TCN-QTM1	
1061	16000203	Nguyễn Huy	Hoàng	06/01/2001	16TCN-QTM1	
1062	16000183	Nguyễn Hoàng	Hùng	23/08/2001	16TCN-QTM1	
1063	16000506	Trần Quốc	Hưng	29/10/2001	16TCN-QTM1	
1064	16000196	Đinh Duy	Khánh	03/11/2000	16TCN-QTM1	
1065	16000021	Nguyễn Nhật	Khánh	09/01/2001	16TCN-QTM1	
1066	16000295	Nguyễn Lê Anh	Khoa	15/10/2001	16TCN-QTM1	
1067	16000034	Phạm Phương	Lâm	04/01/2001	16TCN-QTM1	
1068	16000641	Nguyễn Thị Thùy	Liên	16/06/2001	16TCN-QTM1	
1069	16000299	Nguyễn Thanh	Long	12/04/2000	16TCN-QTM1	
1070	16000540	Trần Phi	Long	10/11/2000	16TCN-QTM1	
1071	16000496	Nguyễn Hoàng	Mạnh	22/07/2000	16TCN-QTM1	
1072	16000331	Lê Quang	Minh	23/07/2000	16TCN-QTM1	
1073	16000426	Mai Hoàng	Minh	10/06/2001	16TCN-QTM1	
1074	16000161	Đặng Phương	Nam	25/02/2001	16TCN-QTM1	
1075	16000268	Nguyễn Lê Trọng	Nghĩa	28/02/2001	16TCN-QTM1	
1076	16000311	Nguyễn Hoàng	Nguyên	05/04/1999	16TCN-QTM1	
1077	16000528	Lê Khả	Nhiên	18/02/2001	16TCN-QTM1	
1078	16000402	Phạm Tấn	Phát	18/05/2001	16TCN-QTM1	
1079	16000447	Nguyễn Lê Ái	Phúc	28/08/2001	16TCN-QTM1	
1080	16000547	Nguyễn Đoàn Thanh	Quang	04/10/2001	16TCN-QTM1	
1081	16000300	Phan Hoàng	Quân	05/04/2001	16TCN-QTM1	
1082	16000512	Trần Anh	Quân	30/07/2001	16TCN-QTM1	
1083	16000464	Lý Đông	Quyền	28/04/2001	16TCN-QTM1	
1084	16000189	Hoàng	Sơn	13/10/2001	16TCN-QTM1	
1085	16000054	Nguyễn Thanh	Sơn	05/10/2001	16TCN-QTM1	
1086	16000452	Huỳnh Tấn	Tài	28/11/2000	16TCN-QTM1	
1087	16000240	Vũ Tấn	Tài	24/06/1997	16TCN-QTM1	
1088	16000357	Đoàn Chí	Tân	16/08/2001	16TCN-QTM1	
1089	16000228	Nguyễn Trần Thanh	Tú	19/09/2000	16TCN-QTM1	
1090	16000165	Nguyễn Trường	Tú	15/03/2001	16TCN-QTM1	
1091	16000303	Trần Hoài	Tú	13/01/2001	16TCN-QTM1	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
1092	16000197	Hà Anh Tuấn	26/09/2001	16TCN-QTM1	
1093	16000484	Lưu Mạnh Đình Tùng	17/02/2001	16TCN-QTM1	
1094	16000168	Tô Cẩm Tường	07/08/2000	16TCN-QTM1	
1095	16000407	Đỗ Hoàng Thái	01/01/2000	16TCN-QTM1	
1096	16000182	Nguyễn Quang Thái	06/04/2001	16TCN-QTM1	
1097	16000489	Đoàn Nguyễn Đức Thắng	18/01/2001	16TCN-QTM1	
1098	16000003	Nguyễn Quốc Thắng	04/11/1997	16TCN-QTM1	
1099	16000158	Nguyễn Tiến Thiên	27/04/2001	16TCN-QTM1	
1100	16000008	Huỳnh Quốc Thịnh	31/10/2001	16TCN-QTM1	
1101	16003454	Lê Ngọc Thy	01/10/2001	16TCN-QTM1	
1102	16000057	Lại Minh Trí	18/09/2001	16TCN-QTM1	
1103	16000420	Phạm Trọng Vinh	05/06/2001	16TCN-QTM1	
1104	16003812	Nguyễn Văn Hoài An	21/07/2001	16TCN-QTM2	
1105	16003818	Trần Gia Anh	06/08/2000	16TCN-QTM2	
1106	16003541	Cao Triều Bảo	24/11/2000	16TCN-QTM2	
1107	16003805	Đỗ Trọng Bảo	15/03/2001	16TCN-QTM2	
1108	16000248	Nguyễn Thanh Bình	15/09/2001	16TCN-QTM2	
1109	16003793	Vũ Nguyễn Thanh Danh	20/08/2000	16TCN-QTM2	
1110	16003394	Nguyễn Duy	31/08/2001	16TCN-QTM2	
1111	16002988	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	01/01/2001	16TCN-QTM2	
1112	16000647	Nguyễn Hoàng Quốc Đạt	04/01/2001	16TCN-QTM2	
1113	16000598	Nguyễn Thành Đạt	16/09/2001	16TCN-QTM2	
1114	16000678	Trần Tiến Đạt	28/09/2001	16TCN-QTM2	
1115	16000637	Lê Minh Đức	03/02/2001	16TCN-QTM2	
1116	16000634	Trần Thị Ánh Giàu	01/09/2001	16TCN-QTM2	
1117	16000068	Nguyễn Ngọc Hải	12/06/2001	16TCN-QTM2	
1118	16001064	Phạm Nhật Hào	31/05/2000	16TCN-QTM2	
1119	16000533	Trần Anh Hào	22/04/1996	16TCN-QTM2	
1120	16000585	Nguyễn Thanh Hậu	20/01/2001	16TCN-QTM2	
1121	16001845	Hoàng Gia Huy	11/04/2001	16TCN-QTM2	
1122	16003532	Nguyễn Trọng Huy	07/09/2000	16TCN-QTM2	
1123	16003538	Bùi Anh Kiệt	03/04/2000	16TCN-QTM2	
1124	16000692	Lê Hoàng Tuấn Kiệt	28/11/2000	16TCN-QTM2	
1125	16002938	Lầu Quay Kìn	11/01/2000	16TCN-QTM2	
1126	16001779	Đặng Xuân Lộc	25/07/2000	16TCN-QTM2	
1127	16001496	Lê Minh Luân	20/09/2001	16TCN-QTM2	
1128	16002111	Đỗ Duy Minh	05/04/2001	16TCN-QTM2	
1129	16000575	Nguyễn Nhật Minh	09/06/2001	16TCN-QTM2	
1130	16000209	Đặng Vũ Thành Nam	15/05/2001	16TCN-QTM2	
1131	16000329	Lê Bắc Nam	13/03/2001	16TCN-QTM2	
1132	16000667	Bùi Hữu Nghĩa	21/07/2001	16TCN-QTM2	
1133	16002342	Lê Trọng Nghĩa	18/10/2001	16TCN-QTM2	
1134	16003579	Nguyễn Hoàng Ngọc	27/06/2001	16TCN-QTM2	
1135	16003630	Lê Quốc Nhật	04/04/2001	16TCN-QTM2	
1136	16000951	Đồng Xuân Oánh	04/12/2001	16TCN-QTM2	
1137	16000350	Lê Huỳnh Phúc	25/11/2001	16TCN-QTM2	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
1138	16000559	Nguyễn Đức Thiện Quý	01/12/2001	16TCN-QTM2	
1139	16003870	Trần Văn Sang	18/01/2001	16TCN-QTM2	
1140	16002412	Lê Như Sáng	07/08/1997	16TCN-QTM2	
1141	16001971	Nguyễn Thiện Sĩ	27/07/1997	16TCN-QTM2	
1142	16000593	Trần Lê Tiến Sĩ	29/12/2001	16TCN-QTM2	
1143	16002525	Trần Thái Sơn	07/12/2001	16TCN-QTM2	
1144	16000581	Nguyễn Cao Đức Tài	03/05/2000	16TCN-QTM2	
1145	16000713	Nguyễn Thành Tài	02/07/2001	16TCN-QTM2	
1146	16001546	Thiều Văn Phước Tài	06/03/2000	16TCN-QTM2	
1147	16001464	Nguyễn Hoàng Tâm	12/08/2001	16TCN-QTM2	
1148	16000062	Đoàn Ngọc Giao Tiên	16/11/2001	16TCN-QTM2	
1149	16001282	Hoàng Thế Toàn	28/06/1999	16TCN-QTM2	
1150	16000400	Trần Đức Minh Tú	23/04/2001	16TCN-QTM2	
1151	16003737	Hoàng Văn Tuấn	04/03/2001	16TCN-QTM2	
1152	16000650	Bùi Thế Minh Thanh	07/05/2001	16TCN-QTM2	
1153	16001387	Nguyễn Phúc Thắng	10/04/1999	16TCN-QTM2	
1154	16002956	Nguyễn Trường Thịnh	15/02/2001	16TCN-QTM2	
1155	16003682	Phan Nguyễn Quỳnh Thy	21/09/2001	16TCN-QTM2	
1156	16000507	Phạm Trung Trọng	31/08/2000	16TCN-QTM2	
1157	16001049	Thái Kim Trọng	20/10/1997	16TCN-QTM2	
1158	16001823	Lã Minh Trường	08/04/2000	16TCN-QTM2	
1159	16000525	Nguyễn Trần Phương Vy	08/12/2001	16TCN-QTM2	
1160	16000671	Đỗ Ngọc Triệu Vỹ	20/03/2001	16TCN-QTM2	
1161	16000466	Sai Trùng Xanh	09/01/2001	16TCN-QTM2	
1162	16000823	Nguyễn Kim Anh	01/08/2000	16TCN-KTD	
1163	16000036	Nguyễn Minh Anh	09/06/2001	16TCN-KTD	
1164	16003576	Nguyễn Võ Duy Anh	10/09/2001	16TCN-KTD	
1165	16000569	Võ Công Chí	19/05/2000	16TCN-KTD	
1166	16003714	Phạm Thế Dượng	22/01/1998	16TCN-KTD	
1167	16000465	Nguyễn Cao Điền	07/10/2001	16TCN-KTD	
1168	16000194	Vũ Hồng Nhật Hạ	05/06/2001	16TCN-KTD	
1169	16002545	Huỳnh Thái Bảo Hân	19/10/2000	16TCN-KTD	
1170	16001001	Nguyễn Ngọc Thanh Hiền	13/12/2001	16TCN-KTD	
1171	16000602	Võ Thị Thu Hiền	29/01/2001	16TCN-KTD	
1172	16003632	Cao Trần Nữ Huyền	27/08/2001	16TCN-KTD	
1173	16000733	Lương Quốc Hưng	15/07/2001	16TCN-KTD	
1174	16000266	Võ Thúy Kiều	01/10/2001	16TCN-KTD	
1175	16003726	Khẩu Nguyễn Hoàng Lin Lan	11/07/2001	16TCN-KTD	
1176	16000077	Nguyễn Thị Tuyết Lan	25/09/2000	16TCN-KTD	
1177	16000043	Trần Mỹ Linh	16/08/2001	16TCN-KTD	
1178	16000448	Lê Ngọc Quang Lộc	31/03/2001	16TCN-KTD	
1179	16003689	Nguyễn Văn Mai Lộc	16/04/2001	16TCN-KTD	
1180	16000397	Hồ Trần Ngọc Mi	03/12/2001	16TCN-KTD	
1181	16000587	Phạm Thái My	21/09/2001	16TCN-KTD	
1182	16000368	Trần Thúy Ngân	16/08/2001	16TCN-KTD	
1183	16000374	Phạm Thị Thảo Nguyên	03/10/2001	16TCN-KTD	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN	Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
1184	16000116	Lê Thúy Nhi	08/05/2001	16TCN-KTD	
1185	16000154	Đỗ Ngọc Quỳnh Như	26/05/2001	16TCN-KTD	
1186	16002546	Phạm Thị Hoài Như	13/04/1997	16TCN-KTD	
1187	16003103	Nguyễn Hữu Tài	02/12/1999	16TCN-KTD	
1188	16003779	Nguyễn Thanh Mỹ Tiên	26/03/2000	16TCN-KTD	
1189	16003553	Phạm Trần Tiến	30/07/1998	16TCN-KTD	
1190	16003696	Nguyễn Thanh Tuyền	01/02/2001	16TCN-KTD	
1191	16000403	Nguyễn Phú Tuyền	13/06/2000	16TCN-KTD	
1192	16000683	Nguyễn Hoàng Giang Thanh	29/12/1998	16TCN-KTD	
1193	16001599	Lê Minh Thư	09/09/2001	16TCN-KTD	
1194	16000340	Phạm Huỳnh Xuân Thư	15/01/2001	16TCN-KTD	
1195	16003347	Nguyễn Thị Trang	11/02/2000	16TCN-KTD	
1196	16000401	Bùi Thị Trâm	08/01/2001	16TCN-KTD	
1197	16003697	Lưu Ngọc Bảo Trúc	21/04/2001	16TCN-KTD	
1198	16000177	Bùi Quang Trường	20/01/2001	16TCN-KTD	
1199	16000817	Phạm Trúc Uyên	09/02/2001	16TCN-KTD	
1200	16003315	Đỗ Khánh Vy	05/04/2001	16TCN-KTD	
1201	16000344	Huỳnh Khánh Vy	02/12/2001	16TCN-KTD	
1202	16000153	Vũ Ngọc Thụy Vy	30/06/2001	16TCN-KTD	
1203	16000386	Huỳnh Thị Ngân Xuyên	16/11/2001	16TCN-KTD	
1204	16001782	Huỳnh Thị Ngọc Yển	22/12/2001	16TCN-KTD	
1205	16002157	Hà Võ Phương Anh	30/01/2001	16TCN-QTD	
1206	16000137	Nguyễn Phạm Tuấn Anh	23/09/2001	16TCN-QTD	
1207	16002999	Nguyễn Trâm Anh	19/01/1998	16TCN-QTD	
1208	16003035	Trương Quế Anh	29/03/2001	16TCN-QTD	
1209	16000319	Đoàn Lê Ngọc Ánh	15/12/2001	16TCN-QTD	
1210	16000942	Phạm Nguyễn Ngọc Bích	15/09/1999	16TCN-QTD	
1211	16000790	Lê Minh Cảnh	19/06/1998	16TCN-QTD	
1212	16000548	Nguyễn Chí Cường	05/02/2001	16TCN-QTD	
1213	16000291	Phạm Ngọc Minh Châu	03/04/2000	16TCN-QTD	
1214	16000493	Nguyễn Thị Thanh Chúc	14/11/2001	16TCN-QTD	
1215	16000104	Lê Nguyễn Ngọc Diễm	25/10/2001	16TCN-QTD	
1216	16001711	Nguyễn Hoàng Duy	06/11/1998	16TCN-QTD	
1217	16000315	Trần Tường Duy	02/04/2001	16TCN-QTD	
1218	16000192	Chu Thùy Dương	08/05/2001	16TCN-QTD	
1219	16002461	Mộng Thùy Dương	21/12/2001	16TCN-QTD	
1220	16000205	Nguyễn Văn Hải	20/12/2001	16TCN-QTD	
1221	16000172	Ngô Thị Mỹ Hạnh	09/02/2001	16TCN-QTD	
1222	16000446	Nguyễn Lê Ái Hằng	14/07/2000	16TCN-QTD	
1223	16000041	Lê Thị Mai Hân	21/10/2001	16TCN-QTD	
1224	16000215	Phan Thị Bảo Hân	01/02/2001	16TCN-QTD	
1225	16000592	Huỳnh Ngọc Hiếu	31/10/2000	16TCN-QTD	
1226	16000218	Phạm Đăng Mai Huyền	16/10/2001	16TCN-QTD	
1227	16000316	Đoàn Thị Thanh Huyền	26/09/2001	16TCN-QTD	
1228	16000645	Lê Minh Huyền	16/11/2001	16TCN-QTD	
1229	16000589	Trần Thị Mỹ Huyền	13/06/2001	16TCN-QTD	

S TT	Mã số HSSV	HỌ & TÊN		Ngày sinh	LỚP	GHI CHÚ
1230	16003746	Trần Thị Mai	Hương	26/02/2001	16TCN-QTD	
1231	16000633	Vũ Trung	Kiên	15/12/2001	16TCN-QTD	
1232	16003114	Bùi Huỳnh Nguyên	Khải	04/06/1998	16TCN-QTD	
1233	16000027	Hà Văn	Khải	10/10/2001	16TCN-QTD	
1234	16001340	Phạm Ngọc Chiêu	Khoa	20/03/1998	16TCN-QTD	
1235	16003868	Nguyễn Đức	Mạnh	24/12/1998	16TCN-QTD	
1236	16000483	Vũ Thị Kiều	My	16/12/2001	16TCN-QTD	
1237	16003201	Mai Quốc	Nam	17/01/2001	16TCN-QTD	
1238	16000010	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	07/03/2001	16TCN-QTD	
1239	16000283	Nguyễn Trần Quang	Nhật	15/11/2000	16TCN-QTD	
1240	16000479	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	24/05/1999	16TCN-QTD	
1241	16000071	Nguyễn Thị Phi	Nhung	23/09/2001	16TCN-QTD	
1242	16003681	Phan Nguyễn Quỳnh	Như	21/09/2001	16TCN-QTD	
1243	16001046	Châu Phú	Phát	17/05/2000	16TCN-QTD	
1244	16003526	Trương Kiều	Phong	29/10/1999	16TCN-QTD	
1245	16000594	Đoàn Hồng	Phúc	30/01/2001	16TCN-QTD	
1246	16000371	Nguyễn Thị Hồng	Phương	03/08/2001	16TCN-QTD	
1247	16000355	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	25/09/2001	16TCN-QTD	
1248	16003695	Trần Như	Quỳnh	05/01/1996	16TCN-QTD	
1249	16000857	Huỳnh Phú	Sĩ	21/10/1996	16TCN-QTD	
1250	16000114	Nguyễn Tiến Duy	Tân	23/04/2001	16TCN-QTD	
1251	16000144	Trịnh Phước	Tấn	11/11/1996	16TCN-QTD	
1252	16000607	Nguyễn Bá	Toàn	30/11/2001	16TCN-QTD	
1253	16000272	Nguyễn Diệu	Thảo	20/06/2001	16TCN-QTD	
1254	16000287	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	07/02/2001	16TCN-QTD	
1255	16001756	Hồ Hoàng Đăng	Thị	26/06/2001	16TCN-QTD	
1256	16003530	Phan Đức	Thông	24/07/2000	16TCN-QTD	
1257	16001856	Nguyễn Ngọc Thanh	Thủy	05/02/2001	16TCN-QTD	
1258	16003629	Nguyễn Ngọc Thanh	Thủy	07/07/2000	16TCN-QTD	
1259	16000044	Tổng Thị Thanh	Thủy	15/01/2001	16TCN-QTD	
1260	16003869	Nguyễn Sơn	Trà	09/04/1998	16TCN-QTD	
1261	16000609	Nguyễn Ngọc Thùy	Trâm	19/09/2001	16TCN-QTD	
1262	16000369	Phạm Ngọc Bích	Trâm	10/07/2001	16TCN-QTD	
1263	16000900	Nguyễn Minh	Trí	10/01/2001	16TCN-QTD	
1264	16000305	Nguyễn Hoàng Thủy	Vi	17/02/2001	16TCN-QTD	
1265	16002571	Đoàn Quỳnh Thảo	Vy	21/06/1996	16TCN-QTD	
1266	16000082	Lâm Huỳnh Bảo	Vy	27/12/2001	16TCN-QTD	
1267	16002448	Phạm Thúy	Vy	15/08/2001	16TCN-QTD	
TỔNG CỘNG =			1267	TCCN (9+3) = 288 & TCN (9+4) = 979 _ 192 Nữ		